

HƯỚNG DẪN HỌC

TOÁN

LỚP

3

Quyển 4

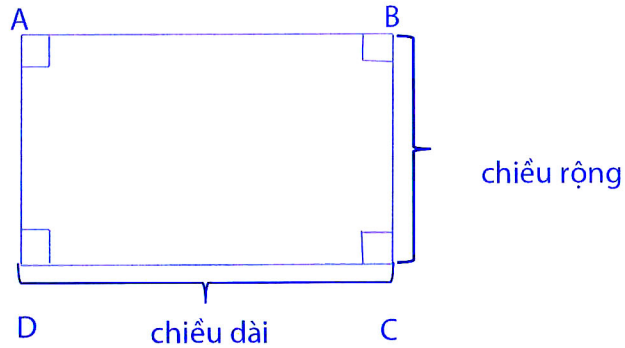


MỤC LỤC

TUẦN 28. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT	4
KIẾN THỨC CẦN NHỚ	4
LUYỆN TẬP	5
TUẦN 29. DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG	12
KIẾN THỨC CẦN NHỚ	12
LUYỆN TẬP	13
TUẦN 30. PHÉP CỘNG – PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000.....	18
TUẦN 31. PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100 000	24
KIẾN THỨC CẦN NHỚ	24
LUYỆN TẬP	25
TUẦN 32. ÔN TẬP HÌNH HỌC – ĐẠI LƯỢNG	32
TUẦN 33. ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN	40
TUẦN 34. GIẢI BÀI TOÁN BẰNG PHƯƠNG PHÁP VẼ SƠ ĐỒ ĐOẠN THẲNG	47
VÍ DỤ THAM KHẢO	47
LUYỆN TẬP	48
TUẦN 35. BÀI TOÁN ĐẾM.....	52
CÁC DẠNG TOÁN.....	52
LUYỆN TẬP	54
PHIẾU CUỐI TUẦN 28	59
PHIẾU CUỐI TUẦN 29	61
PHIẾU CUỐI TUẦN 30	63
PHIẾU CUỐI TUẦN 31	65
PHIẾU CUỐI TUẦN 32	67
PHIẾU CUỐI TUẦN 33	69
PHIẾU CUỐI TUẦN 34	71
PHIẾU CUỐI TUẦN 35	73

TUẦN 28. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT

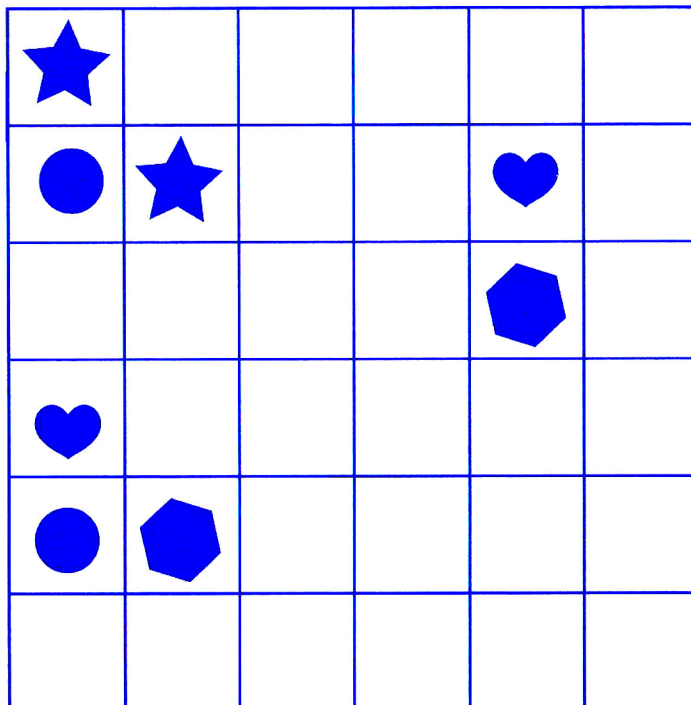
KIẾN THỨC CẦN NHỚ



Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng một đơn vị đo).

GÓC TƯ DUY

Nối các hình giống nhau bằng các đường qua các ô vuông (chỉ được đi thẳng hoặc đi ngang) sao cho các đường đi không cắt nhau.

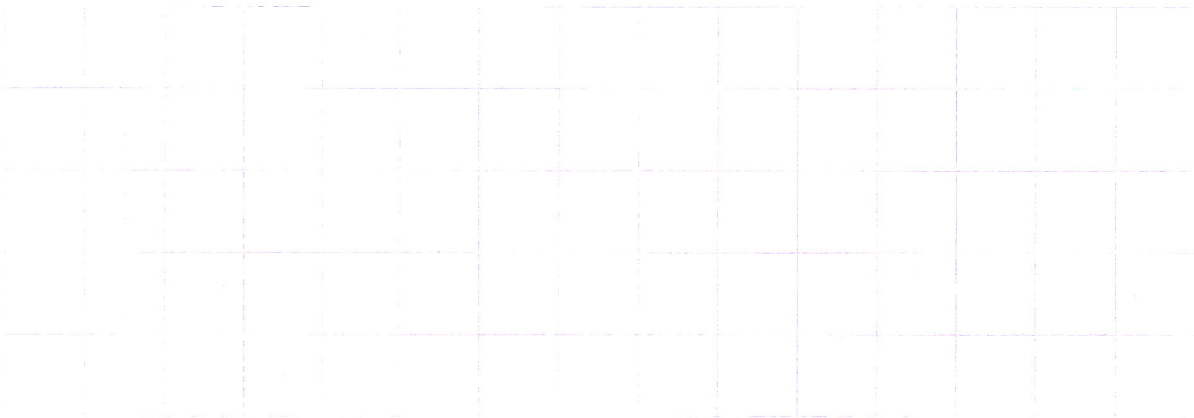


LUYỆN TẬP

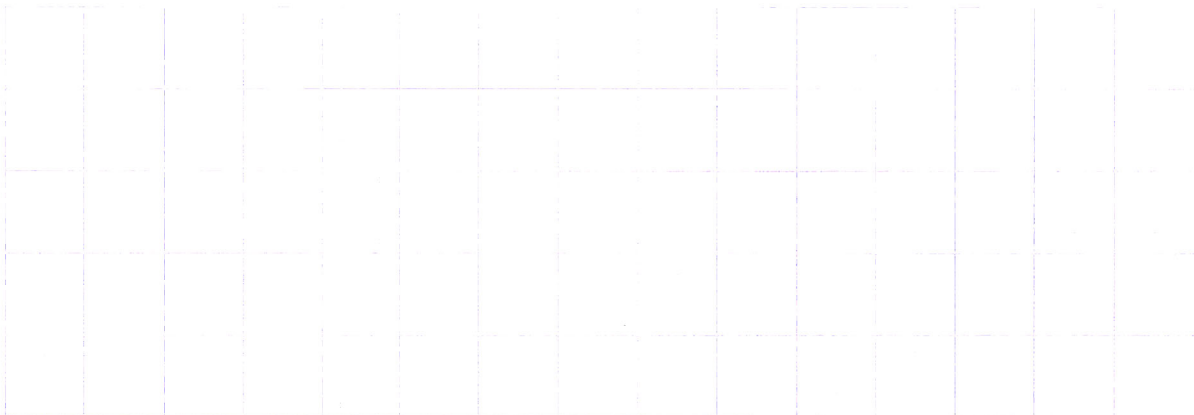
Bài 1. Điền số và đơn vị đo thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

Chiều dài	5m	13dm		14dm	22cm	
Chiều rộng	3m	4dm	4cm		10cm	9dm
Chu vi hình chữ nhật			24cm	46dm		
Diện tích hình chữ nhật						135dm ²

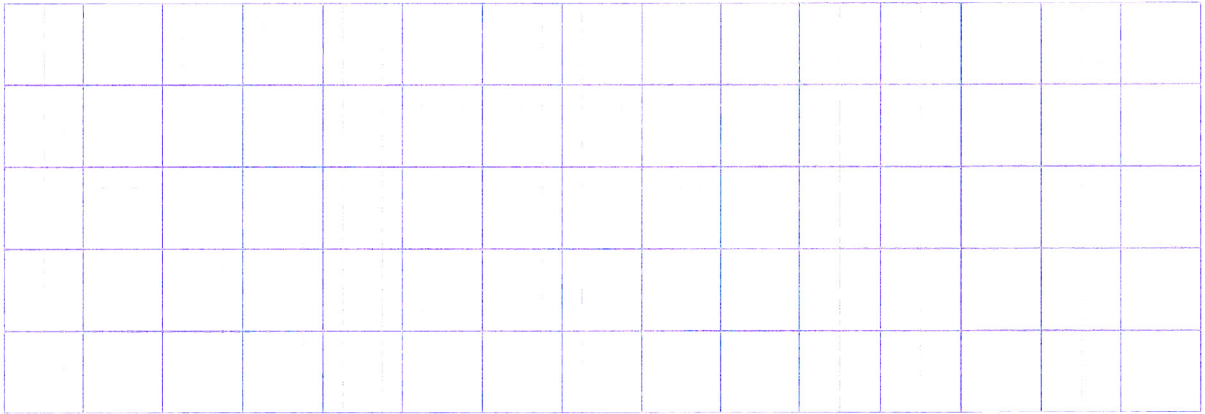
Bài 2. Một hình chữ nhật có chiều rộng là 9cm, chiều dài lớn hơn chiều rộng 6cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



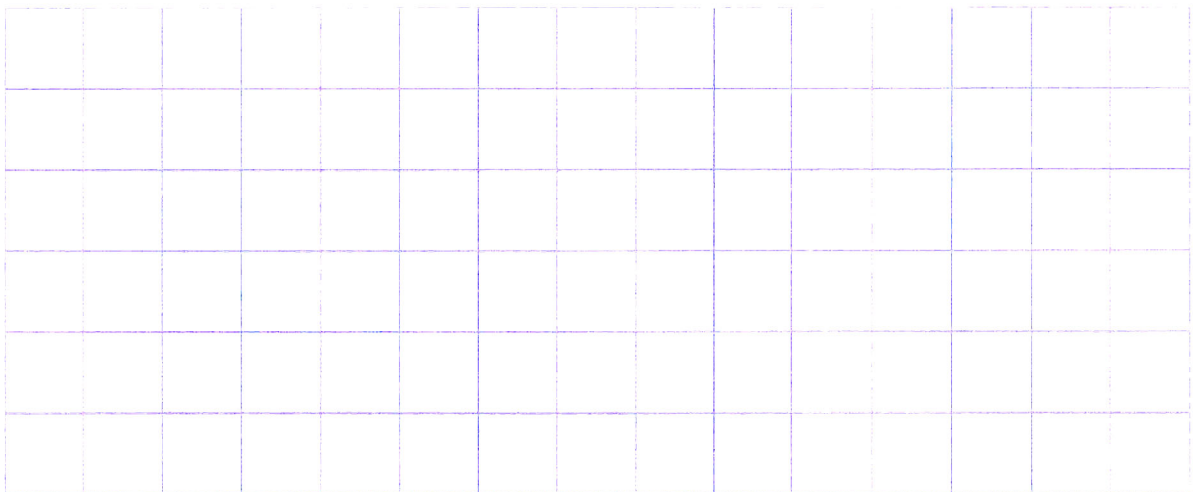
Bài 3. Một hình chữ nhật có chiều rộng là 8cm, chiều dài gấp bốn lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



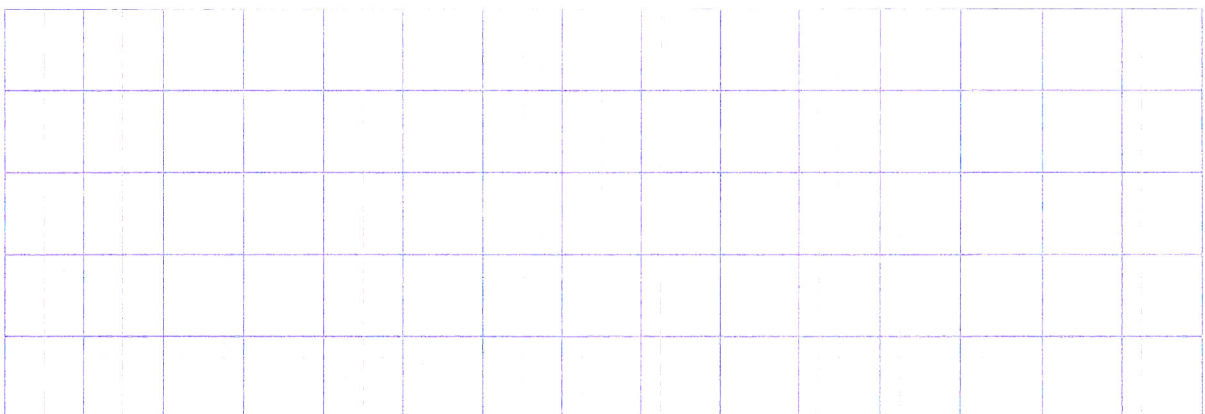
Bài 4. Một hình chữ nhật có chiều rộng 9cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



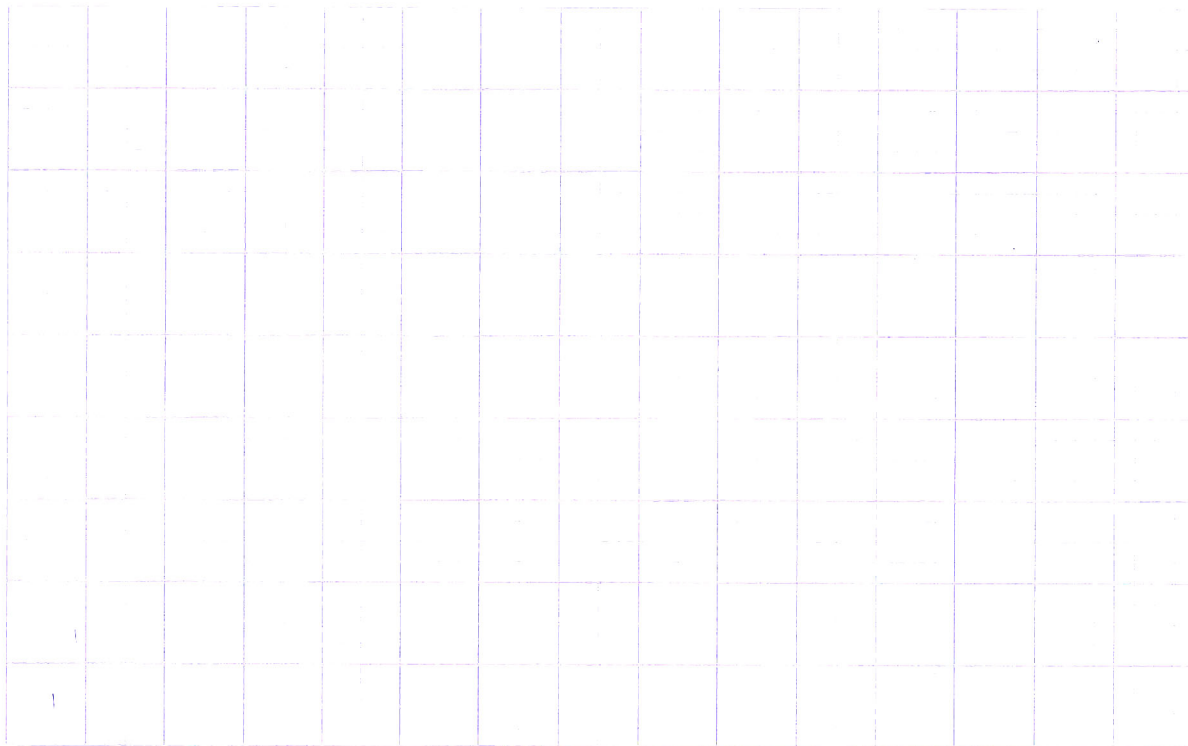
Bài 5. Một hình chữ nhật có chiều dài 4dm và gấp năm lần chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



Bài 6. Một mảnh đất hình chữ nhật có diện tích là 72m^2 . Tính chu vi mảnh đất đó, biết rằng chiều rộng của nó là 8m.

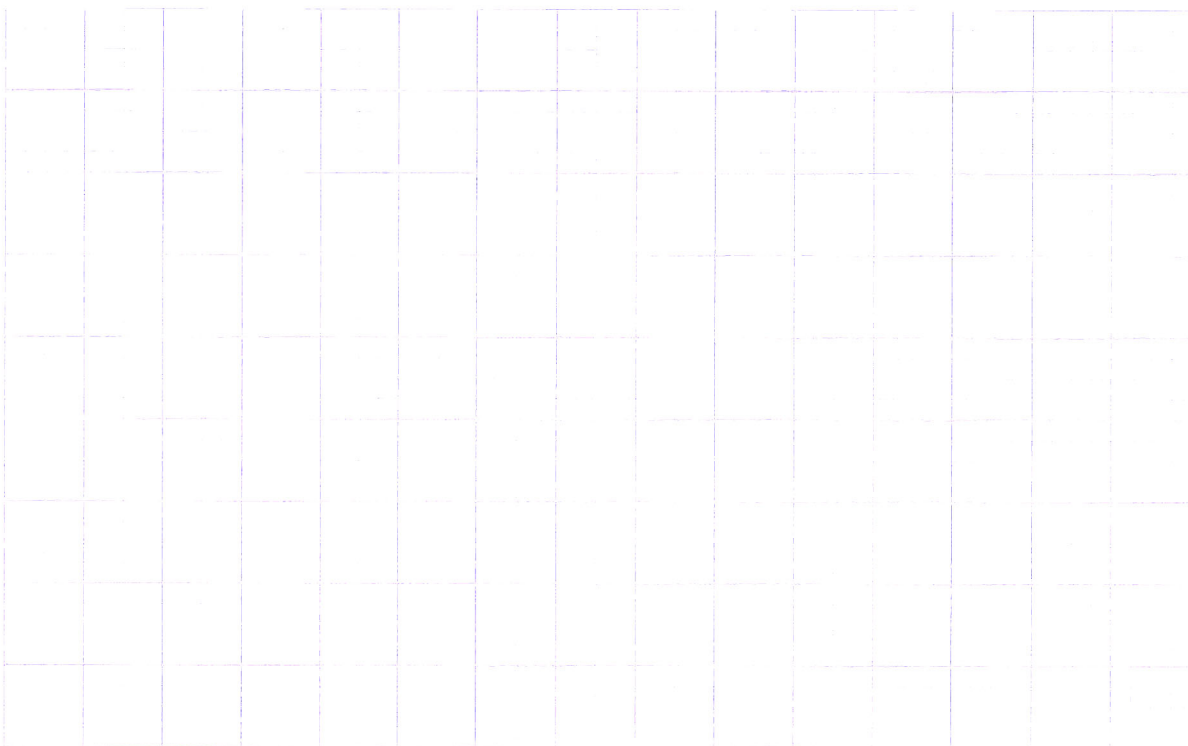


Bài 7. Một tờ bìa hình chữ nhật có chu vi là 9dm. Chiều dài của tờ bìa là 36cm. Tính diện tích của tờ bìa hình chữ nhật đó.

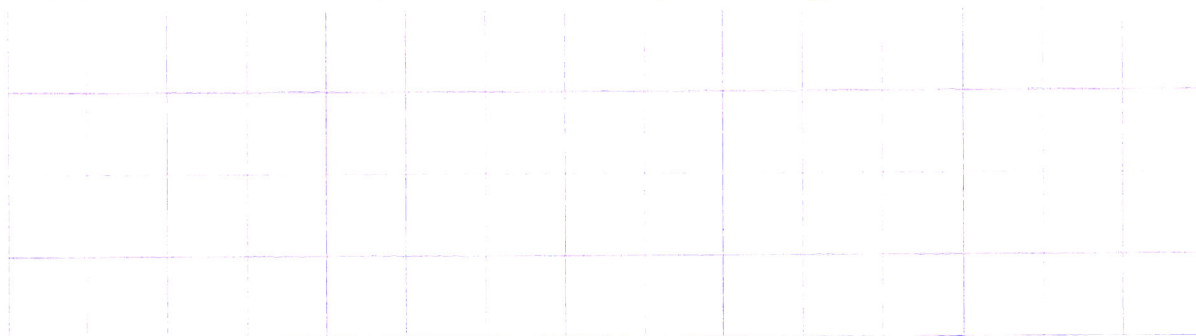


Bài 8. Cho một hình chữ nhật có chu vi là 54cm. Biết rằng chiều rộng bằng $\frac{1}{6}$ chu vi.

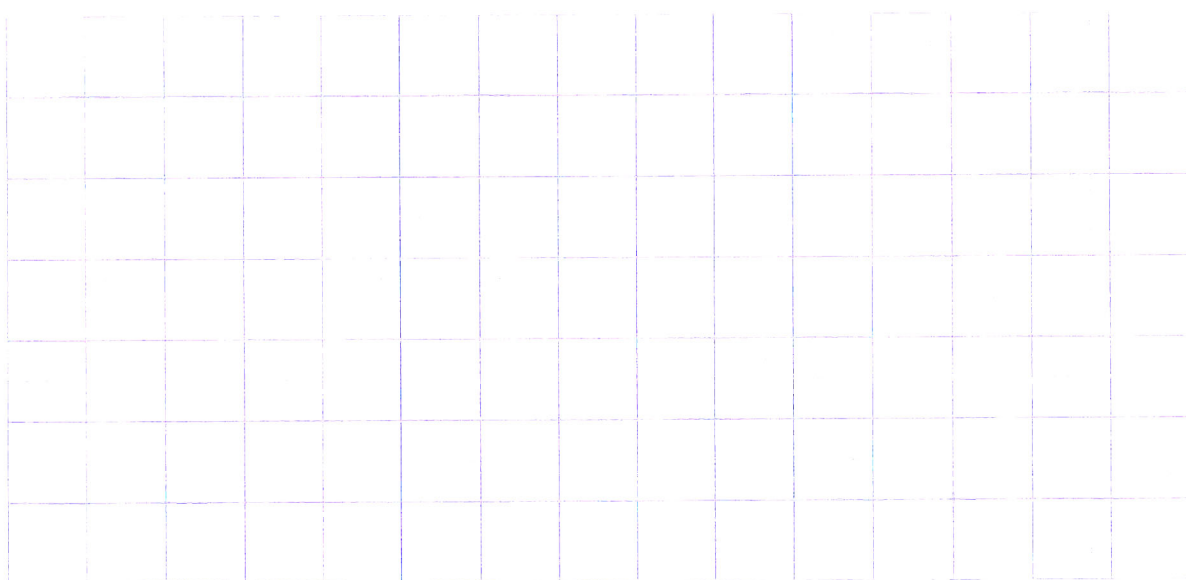
Tính diện tích hình chữ nhật đó.



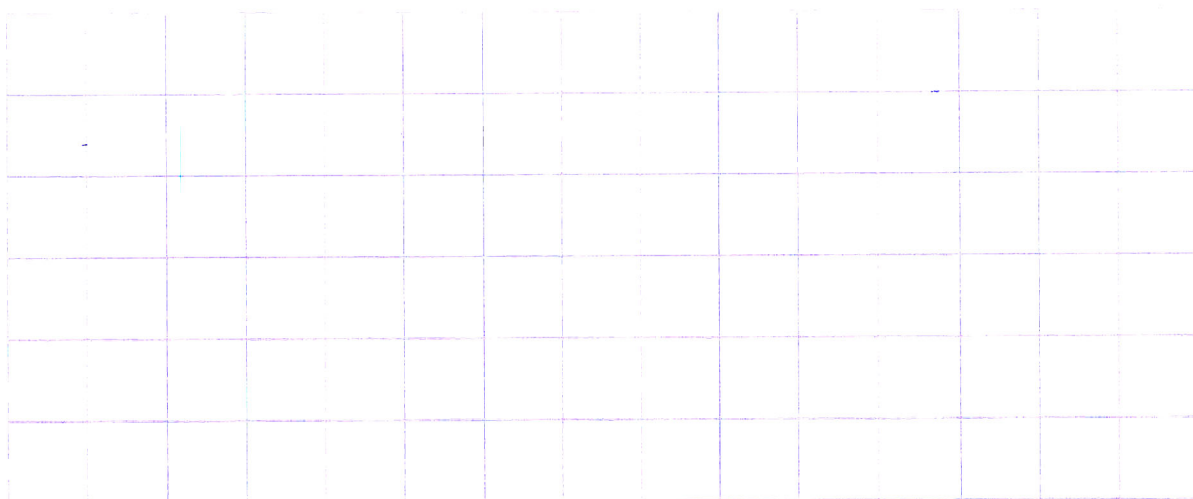
Bài 9. Một hình chữ nhật có diện tích là 76cm^2 . Nếu giữ nguyên chiều rộng và gấp chiều dài lên ba lần thì diện tích hình chữ nhật mới bằng bao nhiêu?



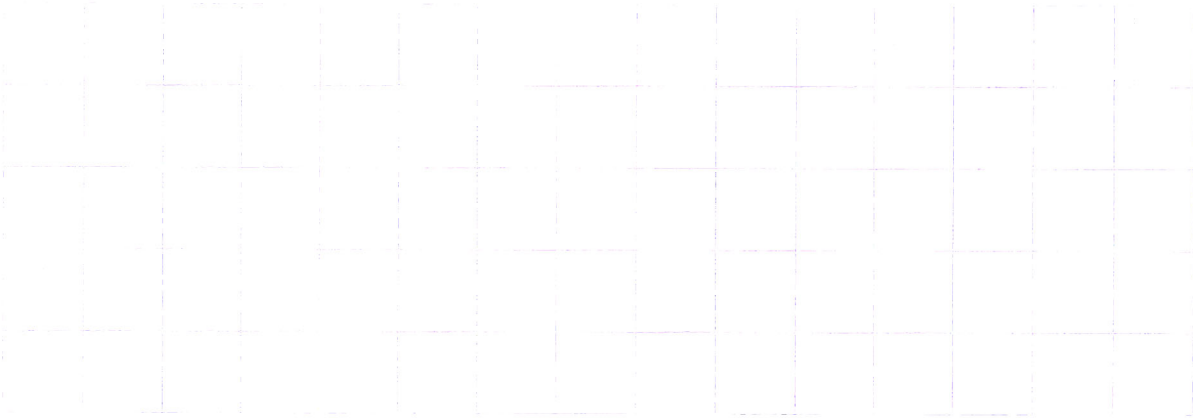
Bài 10. Cho một hình chữ nhật, nếu giảm chiều dài đi 3cm và tăng chiều rộng thêm 2cm thì được một hình vuông có chu vi là 28cm. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.



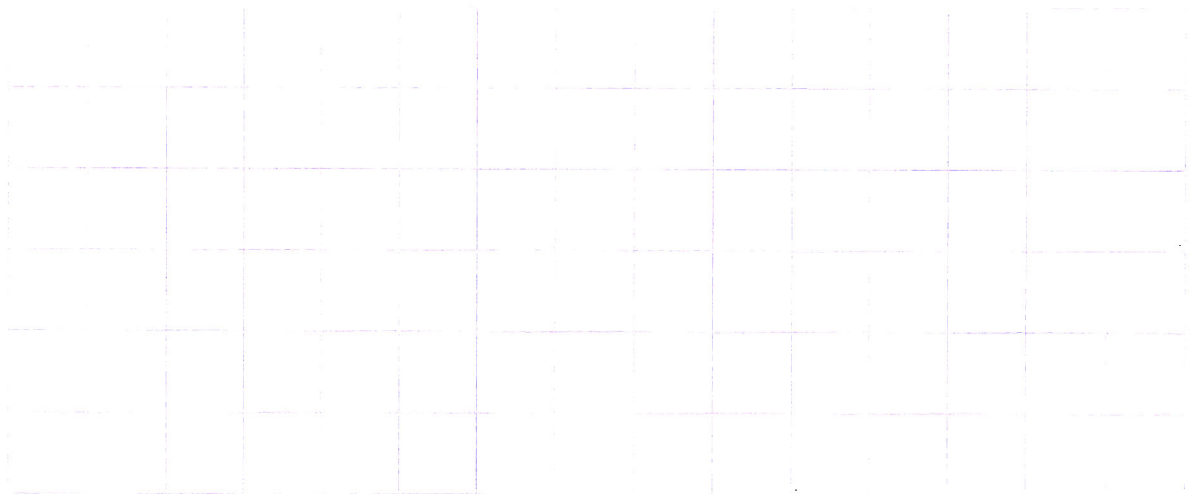
Bài 11. Cho một hình chữ nhật, nếu giảm chiều dài đi ba lần và giảm chiều rộng đi hai lần thì được một hình vuông có chu vi là 16cm. Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.



Bài 12. Một hình chữ nhật có chu vi là 80cm. Nếu tăng chiều dài thêm 5cm thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 75cm^2 . Tính chiều dài hình chữ nhật ban đầu.



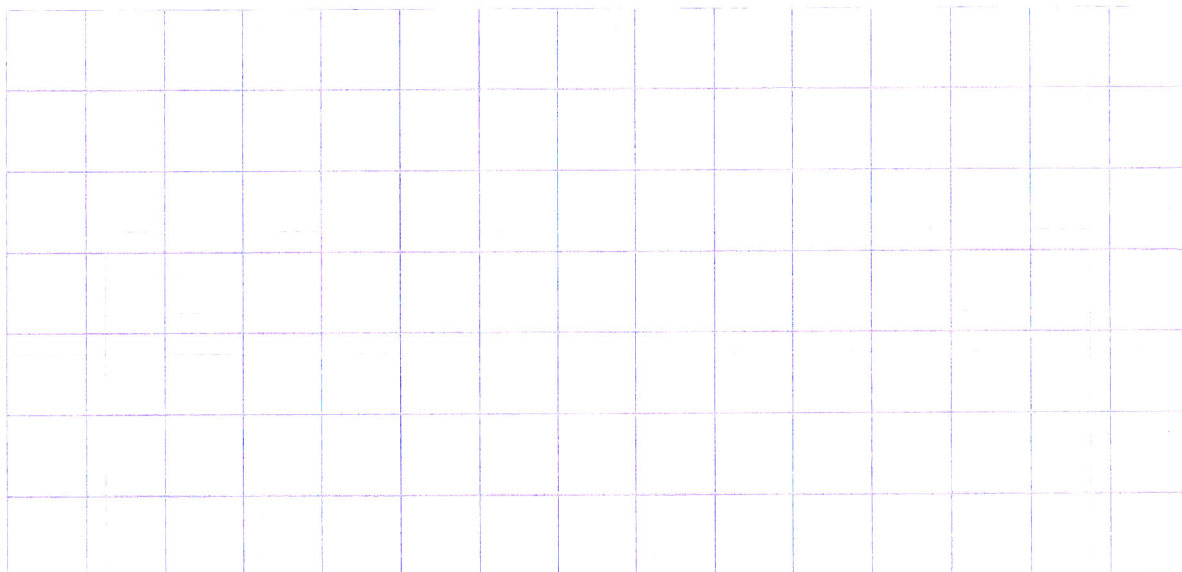
Bài 13. Một hình chữ nhật có chu vi là 72cm. Nếu giảm chiều rộng đi 6cm thì diện tích hình chữ nhật giảm đi 120cm^2 . Tính chiều rộng hình chữ nhật ban đầu.



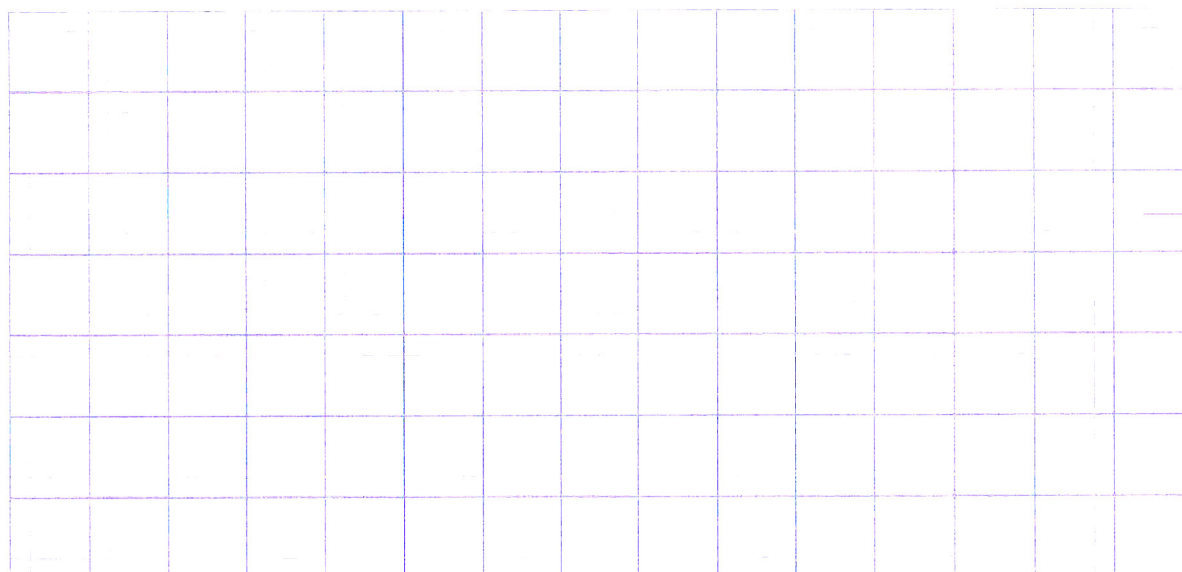
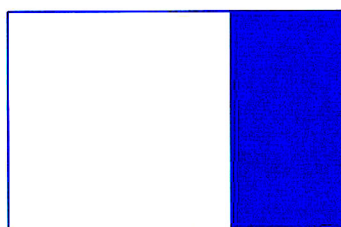
Bài 14. Tính diện tích một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 3cm, biết rằng nếu tăng chiều dài thêm 2cm thì diện tích tấm bìa sẽ tăng thêm 10cm^2 .



Bài 15. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh của một hình vuông có chu vi là 24cm. Biết rằng ba lần cạnh hình vuông thì bằng 2 lần chiều dài hình chữ nhật. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



Bài 16. Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài 16cm, chiều rộng 9cm. Dọc theo chiều rộng người ta cắt miếng bìa đó làm hai phần, một phần là hình vuông và một phần là hình chữ nhật (như hình vẽ). Tính chu vi và diện tích phần bìa hình chữ nhật tô đậm.



Bài 17. Một hình chữ nhật có chiều dài 9cm, người ta mở rộng hình chữ nhật đó bằng cách gấp chiều rộng lên ba lần thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 54cm^2 . Tính chu vi hình chữ nhật khi chưa mở rộng.

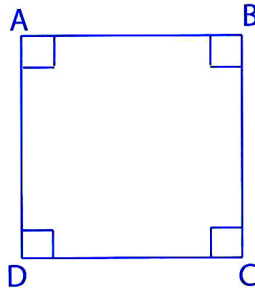


Bài 18. Một miếng bìa hình chữ nhật có diện tích là 84cm^2 . Nếu tăng chiều rộng thêm 4cm, đồng thời giảm chiều dài đi 4cm thì ta được một miếng bìa hình vuông. Tính chu vi của miếng bìa hình chữ nhật ban đầu.



TUẦN 29. DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG

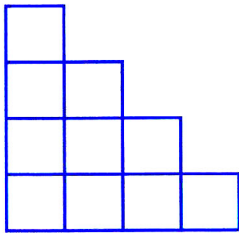
KIẾN THỨC CẦN NHỚ



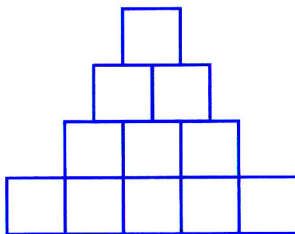
Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

GÓC TƯ DUY

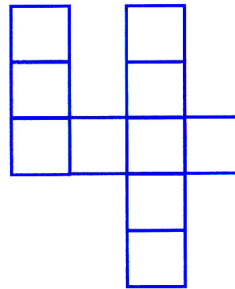
Các hình sau được tạo từ những hình vuông bằng nhau. Hình nào có chu vi lớn nhất?



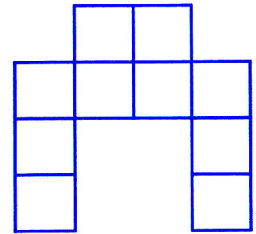
A



B



C



D

LUYỆN TẬP

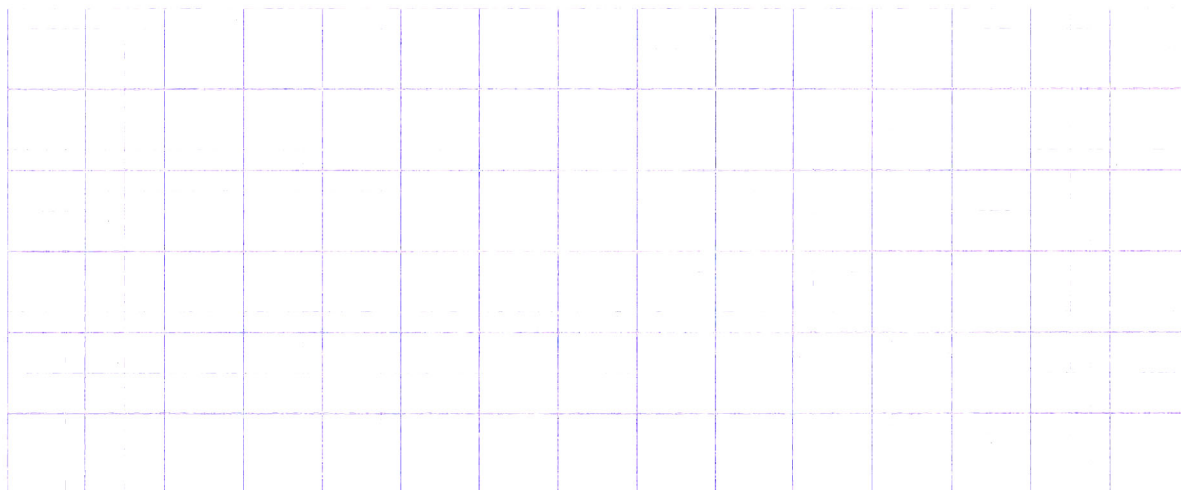
Bài 19. Điền số và đơn vị đo thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

Cạnh hình vuông	3dm	2cm			7m	
Chu vi hình vuông			20m	24dm		
Diện tích hình vuông						81cm ²

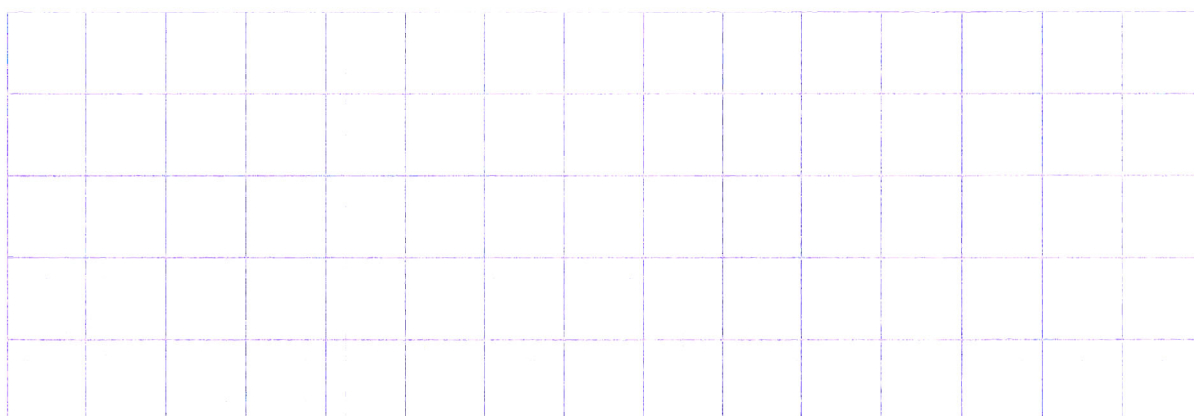
Bài 20. Tính cạnh của một hình vuông có diện tích bằng diện tích của một hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

Bài 21. Tính diện tích của một hình vuông có chu vi bằng chu vi của một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

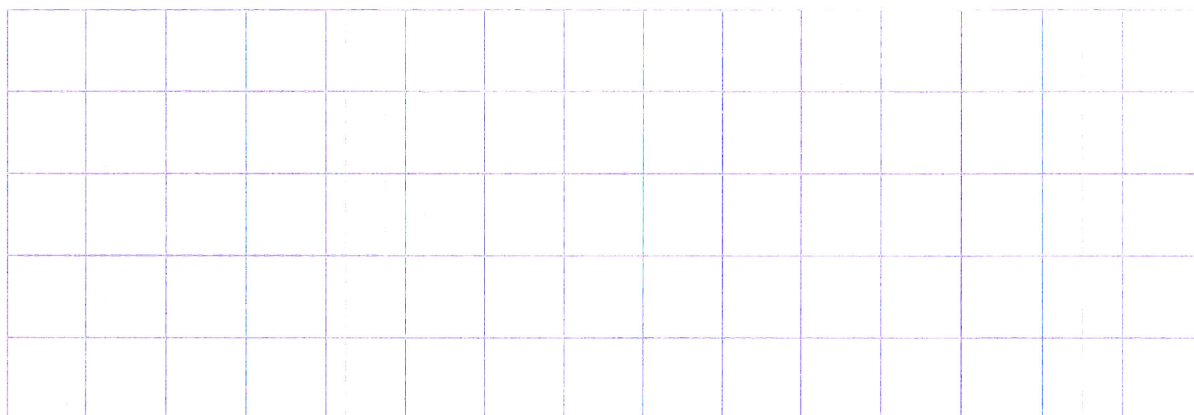
Bài 22. Tính diện tích của một hình vuông có chu vi bằng chu vi của một hình chữ nhật có chiều rộng 4cm, chiều dài gấp ba lần chiều rộng.



Bài 23. Để ốp thêm một mảng tường người ta dùng hết 9 viên gạch men hình vuông có cạnh 10cm. Hỏi diện tích mảng tường được ốp thêm là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? (Coi diện tích phần mạch vữa không đáng kể)

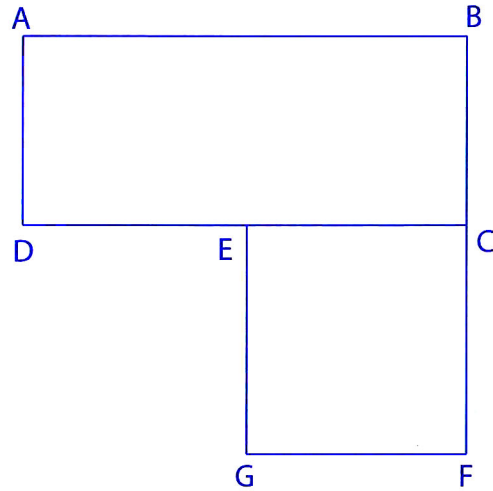


Bài 24. Một hình chữ nhật có chu vi bằng chu vi của một hình vuông có diện tích là 64cm^2 . Tính chiều dài của hình chữ nhật đó, biết chiều rộng là 5cm.



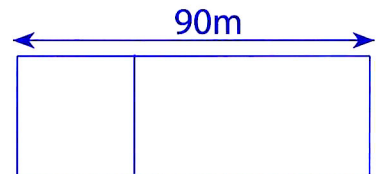
Bài 25. Hình P gồm hình chữ nhật ABCD và hình vuông ECFG. Biết $AB = 20\text{cm}$; $AD = 9\text{cm}$ và $FG = 10\text{cm}$. Tính:

- Diện tích hình chữ nhật ABCD và diện tích hình vuông ECFG có trong hình vẽ.
- Diện tích hình P.

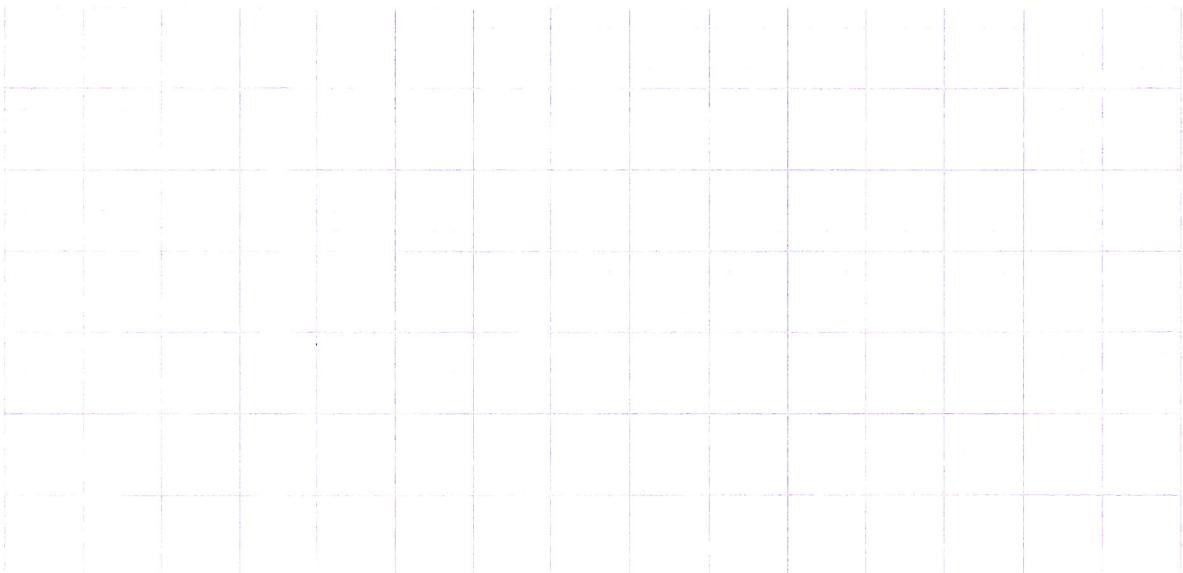


Hình P

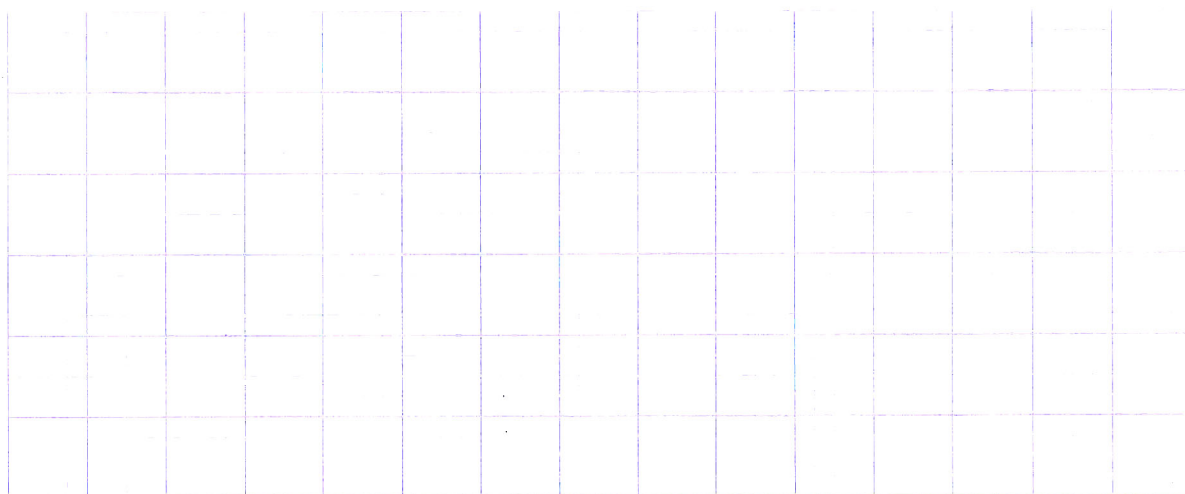
Bài 26. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài là 90m và gấp ba lần chiều rộng.



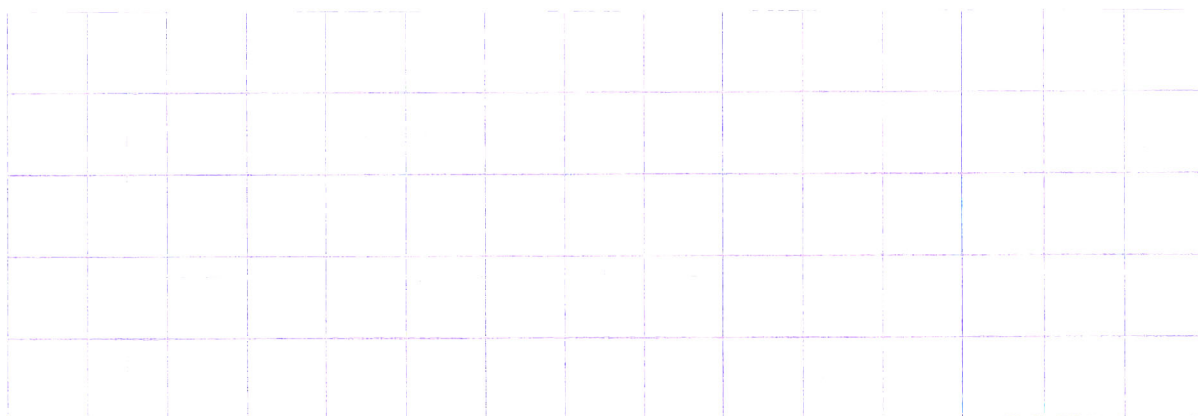
- Tính chu vi thửa ruộng đó.
- Dọc theo chiều rộng, người ta chia thửa ruộng thành hai phần, một phần là hình vuông có cạnh bằng chiều rộng của thửa ruộng, phần còn lại là hình chữ nhật. Tính chu vi thửa ruộng hình chữ nhật còn lại.



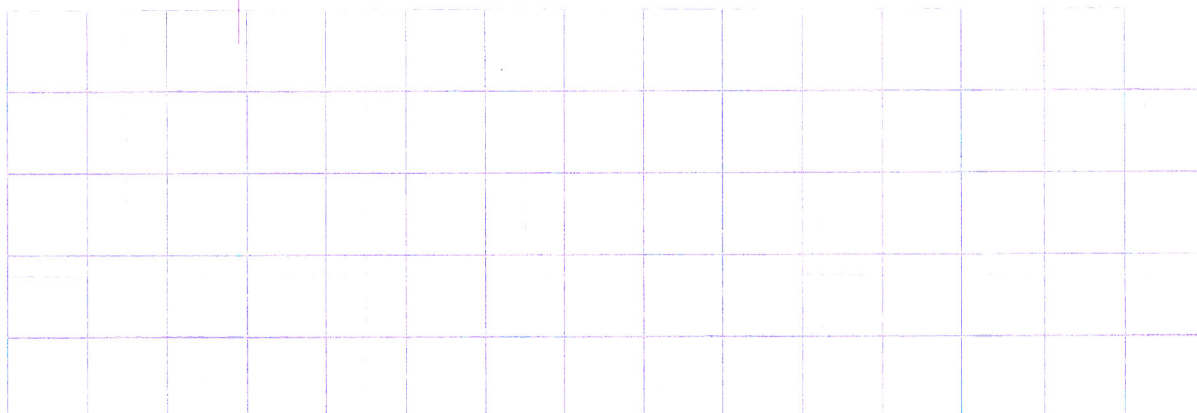
Bài 27. Một hình vuông có chu vi là 20cm. Nếu mở rộng hình vuông về phía bên phải thêm 3cm thì được một hình chữ nhật. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



Bài 28. Tính diện tích của một hình vuông, biết rằng nếu mở rộng hình vuông về phía bên phải thêm 4cm thì diện tích hình vuông tăng thêm 24cm^2 .



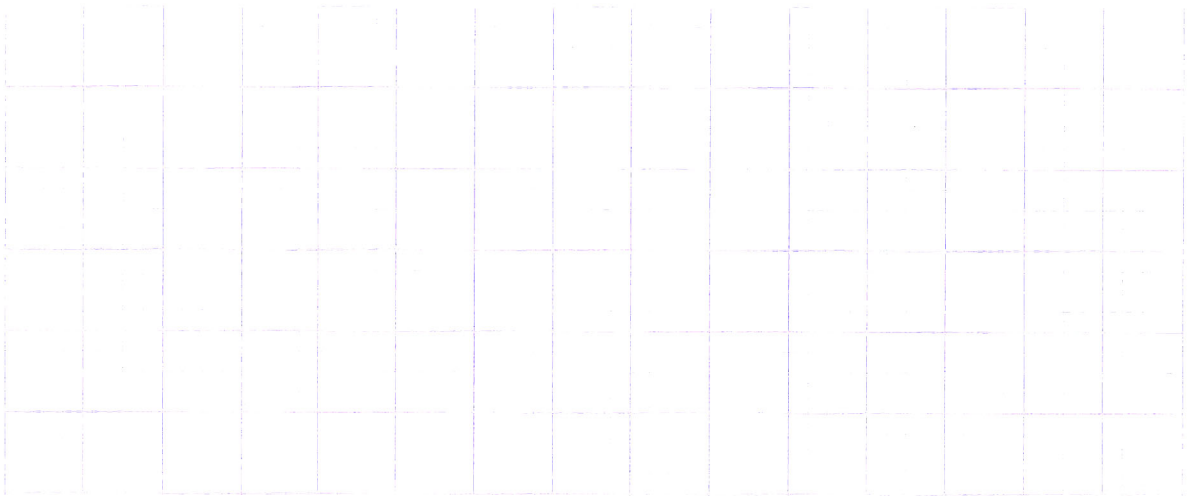
Bài 29. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài, biết rằng nếu tăng chiều rộng của hình chữ nhật thêm 6cm thì được một hình vuông. Tính diện tích hình vuông đó.



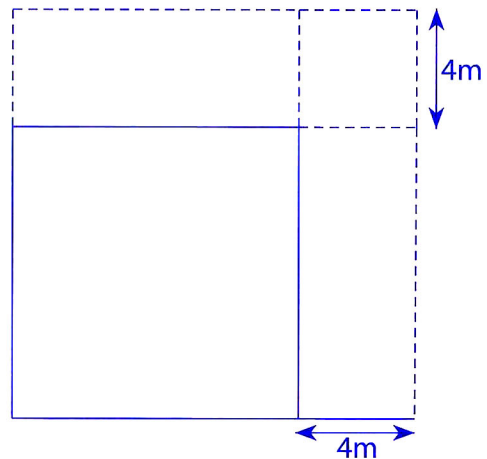
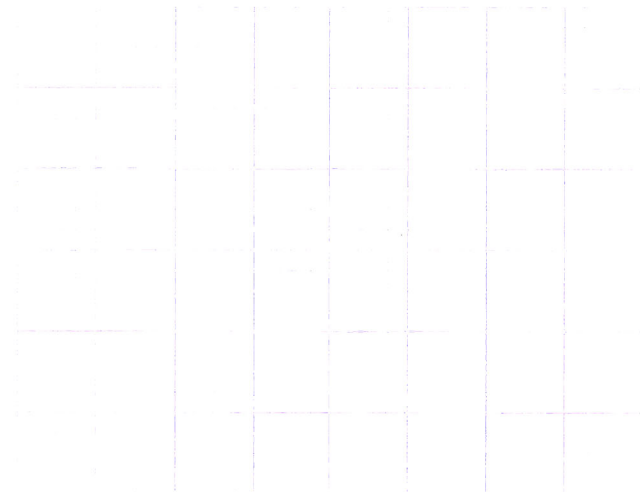
Bài 30. Tính diện tích của một hình vuông, biết rằng nếu mở rộng hình vuông đó về bên phải 2cm và về bên trái 4cm thì được một hình chữ nhật có chu vi bằng 48cm.



Bài 31. Tính diện tích của một miếng đất hình vuông, biết rằng nếu mở rộng miếng đất đó về một phía thêm 8m thì được một miếng đất hình chữ nhật có chu vi 52m.



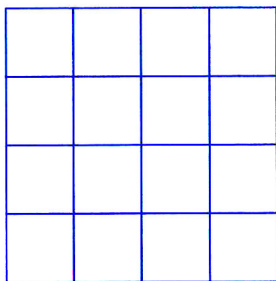
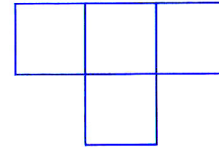
Bài 32. Tính diện tích của một miếng đất hình vuông, biết rằng khi mở rộng mỗi cạnh của miếng đất đó thêm 4m (như hình vẽ) thì diện tích tăng thêm $96m^2$.



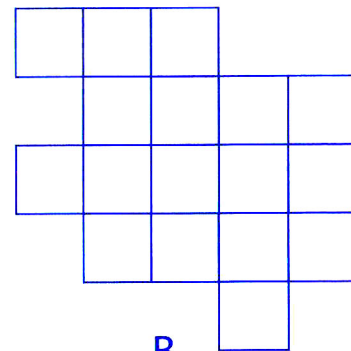
TUẦN 30. PHÉP CỘNG – PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

GÓC TƯ DUY

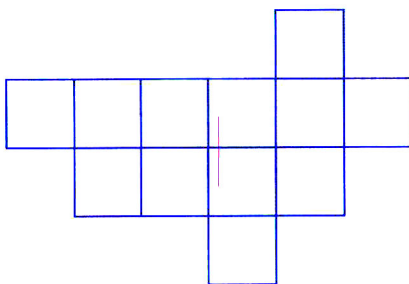
Hình nào sau đây không tạo được bằng cách ghép các hình với nhau?



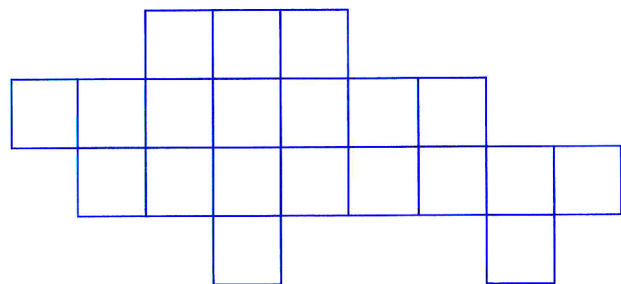
A



B



C



D

LUYỆN TẬP

Bài 33. Tính nhẩm:

$20000 + 30000 + 40000 = \underline{\hspace{2cm}}$

$50000 - 30000 + 10000 = \underline{\hspace{2cm}}$

$60000 + 20000 - 10000 = \underline{\hspace{2cm}}$

$20000 + 20000 + 50000 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bài 34. Đặt tính rồi tính:

a) $21238 + 45461 + 493$

b) $12934 + 15516 + 298$

Bài 35. Điền dấu (>; =; <) thích hợp vào ô trống:

$50000 + 4745 \quad \square \quad 54745$

$3647 + 4885 \quad \square \quad 73774 - 65457$

$24563 + 56372 \quad \square \quad 80929$

$49599 - 34885 \quad \square \quad 12899 + 5994$

Bài 36. Tìm x, biết:

a) $x - 23462 = 27192$

b) $5423 + x = 74934$

c) $56874 - x = 13424 + 22382$

d) $65324 - x = 1231 + 243$

Bài 38. Hai số có hiệu là 12357. Nếu giảm số bị trừ đi 789 đơn vị và tăng số trừ lên 275 đơn vị thì được hiệu mới là bao nhiêu?

Bài 39. Tìm hai số hạng, biết rằng tổng lớn hơn số hạng thứ nhất 12354 đơn vị và số hạng thứ hai nhỏ hơn số hạng thứ nhất 357 đơn vị.

Bài 40. Tính tổng của số lớn nhất và số nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau được lập từ năm chữ số 1; 2; 4; 5; 8.

Bài 41. Tính hiệu của số lớn nhất và số nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau được lập từ năm chữ số 0; 1; 2; 7; 8.

Bài 42. Tính hiệu của số tròn chục lớn nhất có năm chữ số, có chữ số hàng nghìn là 5 và số nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau.

Bài 43. Tính hiệu của:

a) số lớn nhất và số bé nhất có năm chữ số mà tổng các chữ số của mỗi số đều bằng 4.

b) số chẵn lớn nhất và số lẻ bé nhất có năm chữ số mà tích các chữ số của mỗi số đều bằng 24.

Bài 44. Điền chữ số thích hợp vào ô trống:

$$\begin{array}{r}
 8 \square 6 \\
 + \quad \square 4 7 \\
 \hline
 \square 7 9 \square
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 3 \square \square 4 \\
 + \quad \square 1 4 4 \\
 \hline
 9 9 7 \square
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 1 \square 0 7 \\
 + \quad \square 3 0 \square \\
 \hline
 4 7 \square 0
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 2 4 \square \square \\
 - \quad \square \square 3 \\
 \hline
 \square 2 6 1
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \square 8 2 \square \\
 - \quad \square 8 0 \\
 \hline
 9 \square 3
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 \square 4 \square 7 \\
 - \quad 5 2 1 \square \\
 \hline
 3 \square 8 6
 \end{array}$$

TUẦN 31. PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA TRONG **PHẠM VI 100 000**

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

Thứ tự thực hiện phép tính

a) Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:

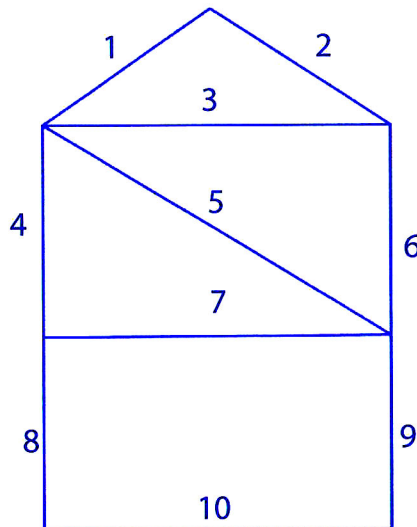
- Nếu trong biểu thức chỉ có phép cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái qua phải.
- Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép nhân, chia trước, rồi thực hiện phép cộng, trừ sau.

b) Đối với biểu thức có dấu ngoặc:

Ta phải thực hiện trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

GÓC TƯ DUY

Vẽ hình sau bằng một nét bút (không nhấc bút trong quá trình vẽ).



Thứ tự của em là: _____

LUYỆN TẬP

Bài 45. Tính nhẩm:

$30000 \times 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

$40000 : 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

$20000 \times 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

$15000 : 3 = \underline{\hspace{2cm}}$

$11000 \times 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

$12000 : 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

$50000 \times 2 = \underline{\hspace{2cm}}$

$96000 : 6 = \underline{\hspace{2cm}}$

Bài 46. Đặt tính rồi tính:

18927×5

21560×3

16150×6

--	--	--

$16248 : 4$

$62565 : 5$

$91286 : 6$

--	--	--

Bài 47. Điền số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	22433		10064		12544
Thừa số	3	4	2	5	4
Tích		22996		31230	

Bài 48. Tính giá trị của biểu thức:

$$A = (15460 + 20107) \times 2$$

$$B = 98742 - 6 \times 14203$$

$$C = (44160 - 12408) \times 3$$

$$D = 20104 \times 2 + 2638$$

Bài 49. Tính giá trị của biểu thức:

$$A = (15460 + 40106) : 2$$

$$B = 8359 + 72858 : 6$$

$$C = 89476 - 63921 : 3$$

$$D = 23727 + 63549 : 9 - 1987$$

Bài 50. Tìm y, biết:

a) $y \times 8 = 17768$

b) $y : 2 = 15432$

c) $74583 : y = 9$

d) $5 \times y = 1312 + 21458$

Bài 54. Tính giá trị của biểu thức:

$$A = 37 \times 18 - 9 \times 74 + 100$$

$$B = 15 \times 12 + 15 \times 13 - 25 \times 5$$

$$C = 625 \times 9 : 5$$

$$D = 17 \times 12 \times 5 - 170 \times 6$$

$$E = 9 + 9 \times 3 + 18 : 2 \times 6$$

$$F = 217 \times 45 + 50 \times 217 + 217 \times 5$$

Bài 55. Tìm y, biết:

a) $y : 3 + 1212 = 23129$

b) $12367 - y \times 4 = 1235$

c) $y : 6 - 5892 = 9875$

d) $9993 + 12453 : y = 10000$

Bài 56. Hùng đếm số bước chân để đo diện tích một căn phòng, thấy rằng chiều rộng là 20 bước, chiều dài là 30 bước. Biết rằng mỗi bước chân của Hùng đều là 4dm. Hỏi diện tích căn phòng đó là bao nhiêu?

Bài 57. Hai số có tích bằng 12954. Nếu gấp số thứ nhất lên hai lần và gấp số thứ hai lên ba lần thì được tích mới bằng bao nhiêu?

Bài 58. Khi thực hiện phép nhân 10047 với 9, bạn Linh đã sơ ý viết nhầm số 10047 thành số 10074. Hỏi tích đã tăng thêm bao nhiêu đơn vị?

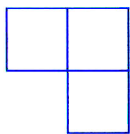
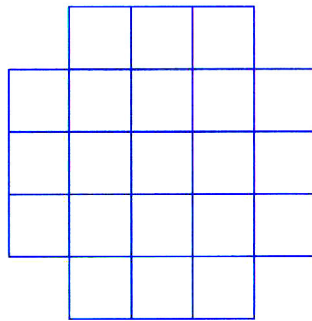
Bài 59. Khi thực hiện phép nhân một số có năm chữ số với 8, một bạn đã sơ ý viết nhầm chữ số 9 ở hàng nghìn thành chữ số 0. Hỏi tích đã giảm đi bao nhiêu đơn vị?

Bài 60. Hai số có tích bằng 80040, biết rằng nếu giữ nguyên thừa số thứ nhất và tăng thừa số thứ hai thêm 5 đơn vị thì được tích mới bằng 80080. Tìm thừa số thứ nhất.

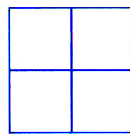
TUẦN 32. ÔN TẬP HÌNH HỌC – ĐẠI LƯỢNG

GÓC TƯ DUY

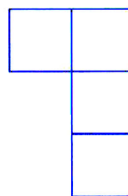
Ghép các mảnh A, B, C, D, E để tạo thành hình lớn bằng cách tô màu các mảnh ghép tương ứng trong hình lớn.



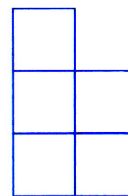
A



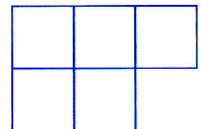
B



C



D



E

LUYỆN TẬP

Bài 64. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$9\text{m } 2\text{dm} = \underline{\hspace{2cm}} \text{dm}$

$2647\text{cm} = \underline{\hspace{1cm}} \text{m } \underline{\hspace{1cm}} \text{dm } \underline{\hspace{1cm}} \text{cm}$

$3\text{m } 4\text{mm} = \underline{\hspace{2cm}} \text{mm}$

$8539\text{mm} = \underline{\hspace{1cm}} \text{m } \underline{\hspace{1cm}} \text{mm}$

$6\text{kg } 8\text{g} = \underline{\hspace{2cm}} \text{g}$

$2985\text{g} = \underline{\hspace{1cm}} \text{kg } \underline{\hspace{1cm}} \text{g}$

Bài 65. Tính:

$13\text{m} - 150\text{cm}$

$8\text{m } 3\text{dm} + 4\text{m } 2\text{cm}$

$123\text{hm} - 120\text{dam}$

$120\text{km} \times 3$

$6000\text{mm} : 4$

$6\text{m } 4\text{cm} : 2$

$1065\text{cm}^2 \times 4$

$555\text{cm}^2 \times 9$

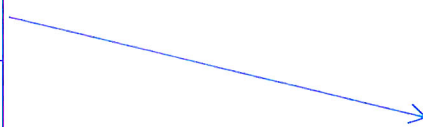
$3040\text{cm}^2 : 8$

$3908\text{cm}^2 + 547\text{cm}^2 \times 4$

$1439\text{cm}^2 + 875\text{cm}^2 : 5$

Bài 66. Nối theo mẫu:

$2165\text{cm}^2 + 3507\text{cm}^2 : 7$
$213\text{cm}^2 \times 8 + 3862\text{cm}^2$
$8308\text{cm}^2 - 7956\text{cm}^2 : 3$
$2394\text{cm}^2 + 1024\text{cm}^2 \times 3$
$2 \times (1319\text{cm}^2 + 1519\text{cm}^2)$



5656cm^2
2666cm^2
5676cm^2
5566cm^2
5466cm^2

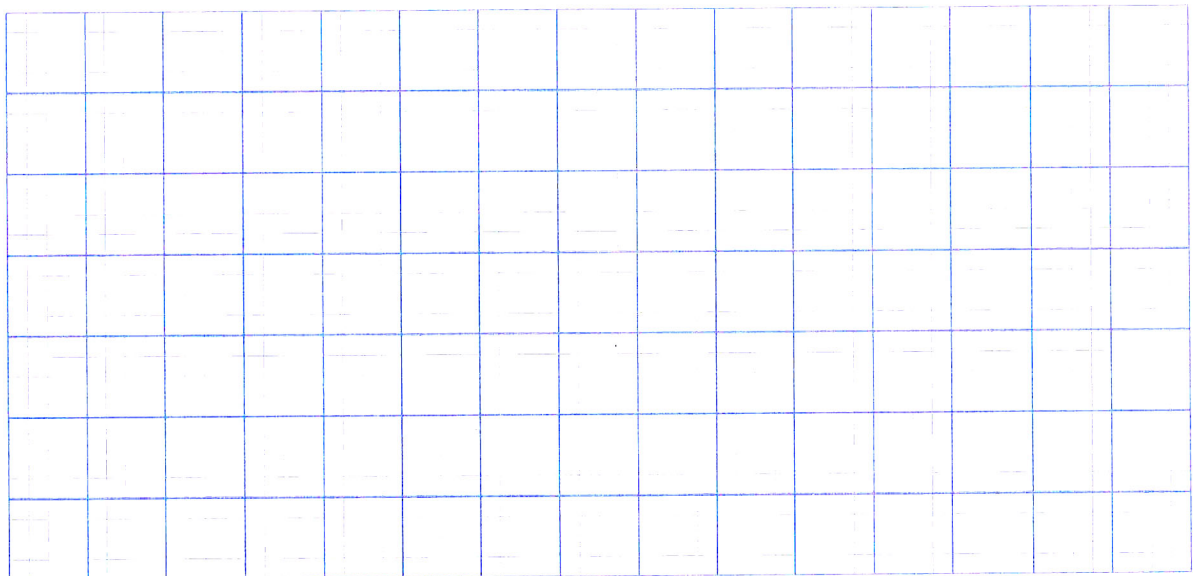
Bài 70. Có một số lít dầu. Nếu chia số dầu đó vào các can 9l thì được 8 can và còn dư 8l. Hỏi nếu chia vào các can 7l thì cần ít nhất bao nhiêu can để chứa hết số dầu đó?

Bài 71. Có một số lít nước. Nếu đổ số nước đó vào 6 can, mỗi can 20 lít thì còn thừa 12l. Nếu đem số nước đó đổ đều vào 6 thùng thì mỗi thùng có bao nhiêu lít nước?

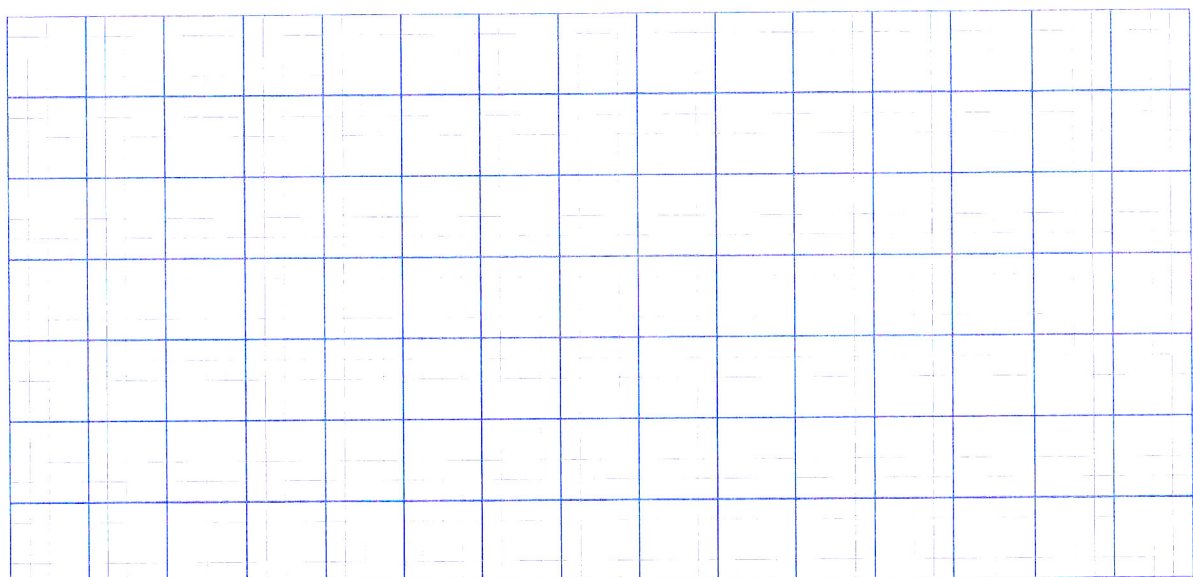
Bài 72. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 7m, chiều dài gấp hai lần chiều rộng. Tính chu vi mảnh vườn hình chữ nhật đó.

Bài 73. Một hình chữ nhật có chiều dài 60cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài.

- a) Tính chu vi hình chữ nhật đó.
- b) Chu vi hình chữ nhật gấp mấy lần chiều rộng?



Bài 74. Tờ giấy màu xanh có diện tích 300cm^2 , tờ giấy màu đỏ có diện tích lớn hơn $\frac{1}{2}$ diện tích tờ giấy màu xanh là 200cm^2 . Hỏi tờ giấy màu đỏ có diện tích lớn hơn tờ giấy màu xanh bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

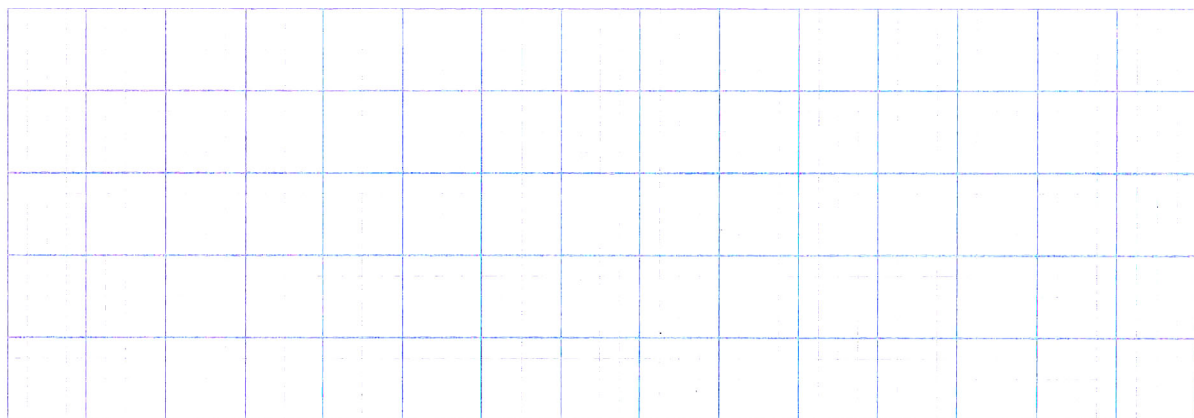


Bài 77. Dững cắt một sợi dây thành các đoạn dây ngắn hơn, mỗi đoạn dây cắt ra dài 3dm 5cm. Dững cắt năm lần thì hết sợi dây. Hỏi lúc đầu, sợi dây đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

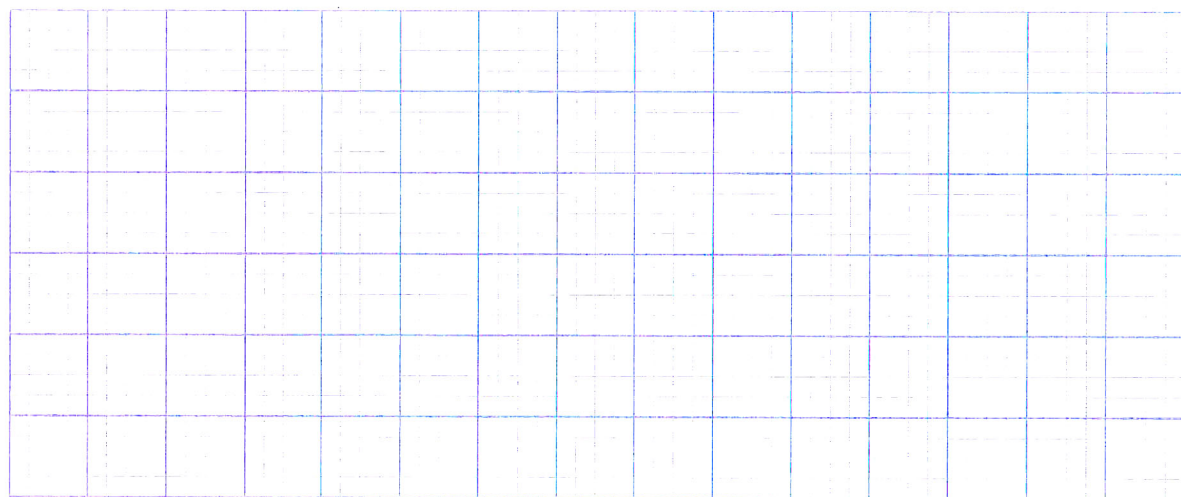
Bài 78. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 10m, chiều dài gấp hai lần chiều rộng. Người ta muốn làm một hàng rào xung quanh mảnh vườn đó (có để hai cửa ra vào, mỗi cửa rộng 3m). Hỏi hàng rào đó dài bao nhiêu mét?

Bài 79. Một cái sân hình vuông có chu vi là 28m, người ta mở rộng sân về bên phải 2m và về bên trái 3m. Hỏi sau khi mở rộng chu vi sân là bao nhiêu?

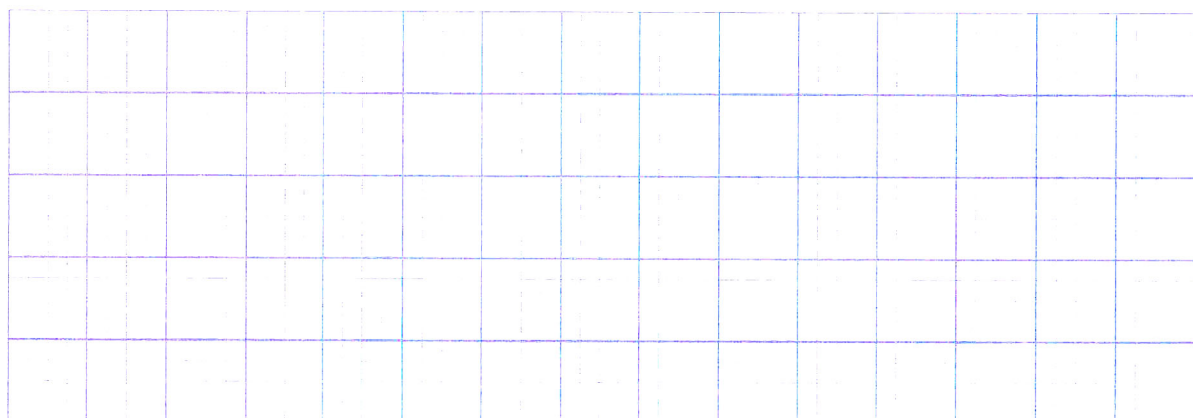
Bài 80. Tính diện tích của một miếng bìa hình chữ nhật, biết rằng nếu giữ nguyên chiều rộng và giảm chiều dài 7cm thì miếng bìa đó trở thành hình vuông có chu vi 36cm.



Bài 81. Hình tam giác ABC có ba cạnh bằng nhau, hình tứ giác MNPQ có bốn cạnh bằng nhau. Biết cạnh hình tam giác dài hơn cạnh hình tứ giác là 10cm và chu vi hai hình đó bằng nhau. Tính độ dài cạnh của hình tam giác ABC và hình tứ giác MNPQ.







Bài 82. Cáo rượt thỏ, hai con chạy cùng chiều cách nhau 6m. Thỏ nhảy một bước thì cáo cũng chạy được một bước, mỗi bước của thỏ dài 6dm, mỗi bước của cáo dài 8dm. Hỏi cáo phải chạy bao nhiêu bước mới bắt được thỏ?



TUẦN 33. ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

GÓC TƯ DUY

Sudoku

		
	?	
		



LUYỆN TẬP

Bài 83. Năm nay bố 37 tuổi. Sau 5 năm nữa, tuổi bố sẽ gấp ba lần tuổi con. Tính tuổi con hiện nay.

Bài 84. Hiện nay, con 4 tuổi, tuổi bố gấp bảy lần tuổi con. Hỏi bốn năm nữa tuổi bố sẽ gấp mấy lần tuổi con?

Bài 85. Một cơ sở sản xuất, tháng thứ nhất làm được 12315 sản phẩm, tháng thứ hai làm được 18750 sản phẩm. Sau hai tháng cơ sở bán đi $\frac{1}{5}$ số sản phẩm đó. Hỏi cơ sở đó còn lại bao nhiêu sản phẩm?

Bài 86. Một cửa hàng có 12240 lít xăng, buổi sáng cửa hàng bán được $\frac{1}{4}$ số xăng đó. Buổi chiều cửa hàng bán được $\frac{1}{3}$ số xăng còn lại của buổi sáng. Hỏi sau hai buổi, cửa hàng còn lại bao nhiêu lít xăng?

Bài 87. Một đội công nhân làm xong một quãng đường dài 50586m trong ba tháng. Tháng thứ nhất đội làm được $\frac{1}{3}$ quãng đường và 126m; tháng thứ hai và tháng thứ ba đội làm được số mét đường như nhau. Tính quãng đường mà đội làm được ở mỗi tháng.

Bài 88. Trong vườn có 35 cây gồm nhãn, vải và hồng xiêm. Số cây hồng xiêm bằng $\frac{1}{7}$ số cây trong vườn. Số cây nhãn bằng $\frac{1}{2}$ số cây vải. Tính số cây mỗi loại.

Bài 89. Phân xưởng thứ nhất nhận được 1545m vải, phân xưởng thứ hai nhận được 1050m vải để may quần áo cho học sinh. Mỗi bộ quần áo may hết 3m vải. Hỏi cả hai phân xưởng may được bao nhiêu bộ quần áo?

Bài 90. Cô giáo mua về 6 hộp bánh, mỗi hộp có 12 cái bánh. Cô chia đều số bánh đó cho học sinh lớp 3A, mỗi bạn được 2 cái bánh thì vừa hết. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu học sinh?

Bài 91. Người ta xếp 810 cái bánh vào các hộp, mỗi hộp có 9 cái. Sau đó xếp vào các thùng, mỗi thùng có 6 hộp. Hỏi người ta xếp được bao nhiêu thùng bánh như thế?

Bài 92. Một đội công nhân dự định làm 320m đường trong 10 ngày, nhưng thực tế mỗi ngày đội làm được nhiều hơn dự định 8m. Hỏi thực tế đội công nhân đó làm 320m đường trong bao nhiêu ngày?

Bài 93. Một lớp tham gia trồng cây. Theo dự định cứ 5 em thì trồng 25 cây, nhưng thực tế mỗi em lại trồng được nhiều hơn so với dự định 2 cây nên tổng số cây cả lớp trồng được là 280 cây. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh? (Số cây mỗi em trồng được là như nhau).

Bài 94. An có năm túi bi như nhau. An lấy ra ở mỗi túi 6 viên bi đem cho các bạn thì số bi còn lại của An đúng bằng số bi trong ba túi lúc đầu. Hỏi lúc đầu mỗi túi có bao nhiêu viên bi?

Bài 95. Cô giáo có 192 viên kẹo chứa đều trong các hộp. Cô lấy ra ở mỗi hộp 9 viên kẹo để chia cho các cháu thiếu nhi, sau khi chia cô còn lại 120 viên kẹo. Hỏi lúc đầu, mỗi hộp có bao nhiêu viên kẹo?

Bài 96. Trên một đoạn đường dài 300m, người ta trồng các cây cột điện ở một bên đường, hai cây cột điện liên tiếp nhau cách nhau 5m. Hỏi trên đoạn đường đó có bao nhiêu cây cột điện? (Hai đầu đường đều có cột điện)

Bài 97. Trên đoạn đường dài 72m có trồng cây cách đều nhau ở một bên đường. Người ta đếm được có tất cả 10 cây và thấy hai đầu đường đều trồng cây. Hỏi hai cây liên tiếp cách nhau bao nhiêu mét?

TUẦN 34. GIẢI BÀI TOÁN BẰNG PHƯƠNG PHÁP

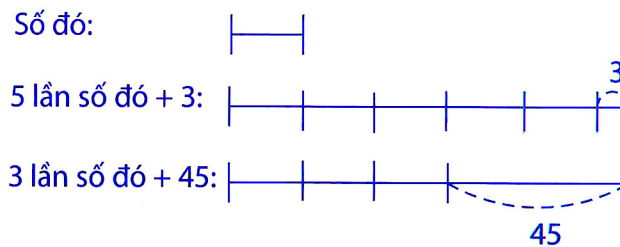
VẼ SƠ ĐỒ ĐOẠN THẲNG

VÍ DỤ THAM KHẢO

Ví dụ 1: Tìm một số, biết rằng nếu lấy năm lần số đó cộng với 3 thì đúng bằng ba lần số đó cộng với 45.

Bài giải:

Ta có sơ đồ:



Từ sơ đồ ta thấy, hai lần số đó là: $45 - 3 = 42$

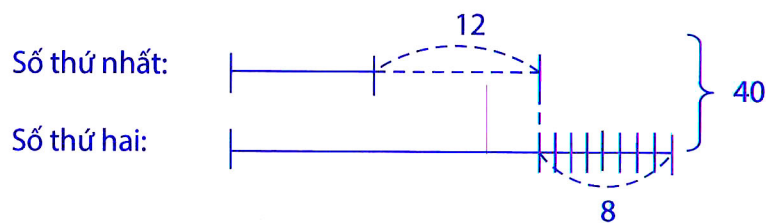
Số đó là: $42 : 2 = 21$

Đáp số: 21

Ví dụ 2: Hai số có tổng là 40. Nếu thêm vào số thứ nhất 12 đơn vị và bớt ở số thứ hai đi 8 đơn vị thì được hai số bằng nhau. Tìm hai số đó.

Bài giải:

Ta có sơ đồ:



Từ sơ đồ ta thấy, giá trị của mỗi số lúc sau là: $(40 + 12 - 8) : 2 = 22$

Số thứ nhất là: $22 - 12 = 10$

Số thứ hai là: $22 + 8 = 30$

Đáp số: 10 và 30

Bài 103. Tìm một số, biết rằng nếu lấy $\frac{1}{3}$ số đó cộng với 755 thì được một số mới kém số ban đầu là 19221 đơn vị.

Bài 104. Một giá sách có hai ngăn, ngăn thứ nhất có 14 cuốn sách, số sách ở ngăn thứ hai gấp ba lần số sách ở ngăn thứ nhất. Hỏi phải chuyển bao nhiêu cuốn sách ở ngăn thứ hai sang ngăn thứ nhất để số sách ở hai ngăn bằng nhau?

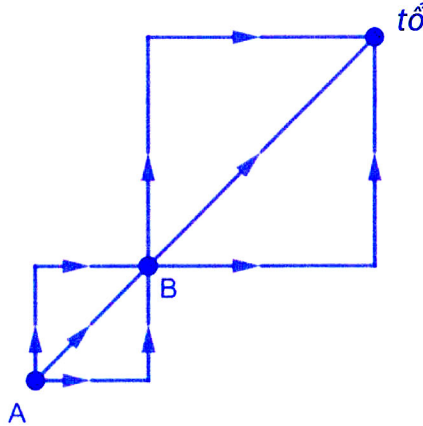
Bài 105. Túi thứ nhất có 60 chiếc kẹo. Số kẹo ở túi thứ hai bằng $\frac{1}{5}$ số kẹo ở túi thứ nhất. Hỏi cần chuyển bao nhiêu chiếc kẹo ở túi thứ nhất sang túi thứ hai để số kẹo ở túi thứ nhất gấp hai lần số kẹo ở túi thứ hai?

TUẦN 35. BÀI TOÁN ĐẾM

CÁC DẠNG TOÁN

1. Đếm số lựa chọn

Ví dụ 1: Có bao nhiêu cách để con kiến có thể bò từ điểm A về tổ theo hướng các mũi tên?



Bài giải:

Có 3 cách để con kiến bò từ A đến B.

Có 3 cách để con kiến bò từ B về tổ.

Vậy số cách để con kiến bò từ A về tổ là: $3 \times 3 = 9$ (cách)

Đáp số: 9 cách

2. Bài toán lập số

Ví dụ 2: Từ các chữ số 0; 1; 2; 5; 7; 9, lập được tất cả bao nhiêu số chẵn có bốn chữ số khác nhau?

Bài giải:

Số các số có bốn chữ số khác nhau lập được là:

$$5 \times 5 \times 4 \times 3 = 300 \text{ (số)}$$

Số các số lẻ có bốn chữ số khác nhau lập được là:

$$4 \times 4 \times 4 \times 3 = 192 \text{ (số)}$$

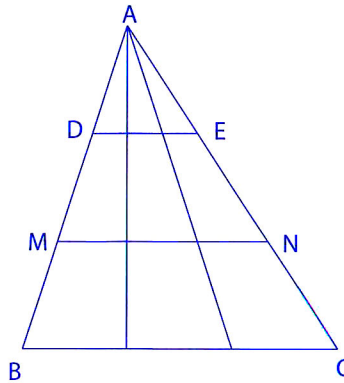
Số các số chẵn có bốn chữ số khác nhau lập được là:

$$300 - 192 = 108 \text{ (số)}$$

Đáp số: 108 số

3. Đếm hình

Ví dụ 3: Có bao nhiêu hình tam giác trong hình vẽ dưới đây?



Bài giải:

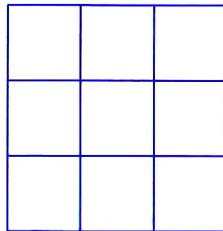
Có 6 hình tam giác có đỉnh A, đáy nằm trên cạnh DE.

Có 6 hình tam giác có đỉnh A, đáy nằm trên cạnh MN.

Có 6 hình tam giác có đỉnh A, đáy nằm trên cạnh BC.

Vậy có tất cả: $6 + 6 + 6 = 18$ (hình tam giác)

Ví dụ 4: Có bao nhiêu hình vuông trong hình vẽ dưới đây?



Bài giải:

Số hình vuông 1×1 : 9 hình

Số hình vuông 2×2 : 4 hình

Số hình vuông 3×3 : 1 hình

Vậy có tất cả: $9 + 4 + 1 = 14$ (hình vuông)

LUYỆN TẬP

Bài 110. Lớp 3A có 10 học sinh nữ và 18 học sinh nam. Hỏi có bao nhiêu cách để chọn ra một bạn nữ và một bạn nam để tham gia đội văn nghệ của trường?

Bài 111. Muốn làm một chiếc đèn lồng giấy cần 1 tờ giấy màu và 1 dây tua rua. Mai có 7 loại giấy màu và 5 loại dây tua rua khác nhau. Hỏi Mai có thể tạo ra nhiều nhất bao nhiêu loại đèn lồng khác nhau?

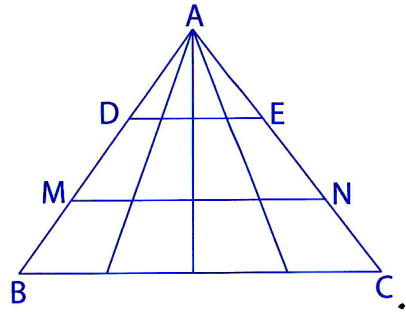
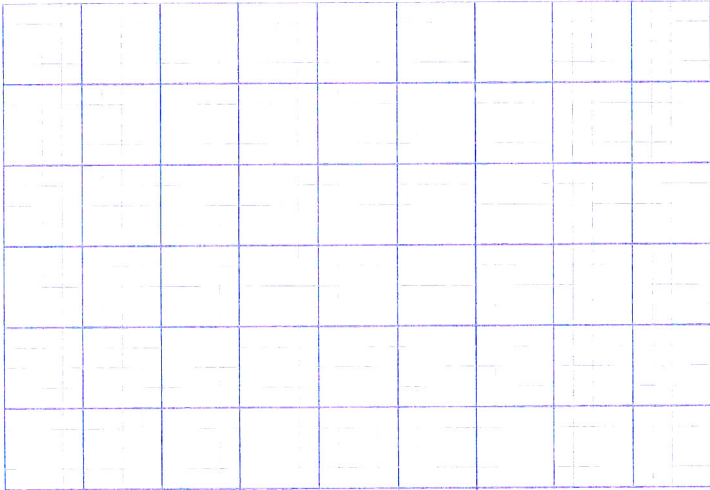
Bài 112. Một khu di tích có bốn cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Một người khách tham quan muốn đi vào từ cửa Đông hoặc cửa Nam, đi ra ở cửa khác với cửa lúc vào. Hỏi người khách đó có bao nhiêu cách đi?

Bài 113. Cô giáo có một ma trận đề gồm 8 bài toán “Đặt tính rồi tính”, 6 bài toán “Tìm x ” và 5 bài toán có lời văn. Hỏi cô giáo có thể tạo ra bao nhiêu đề Toán có 3 bài gồm đủ 3 dạng bài tập trên?

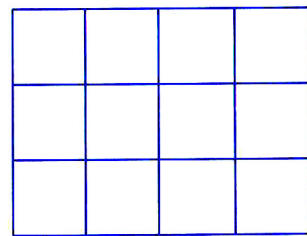
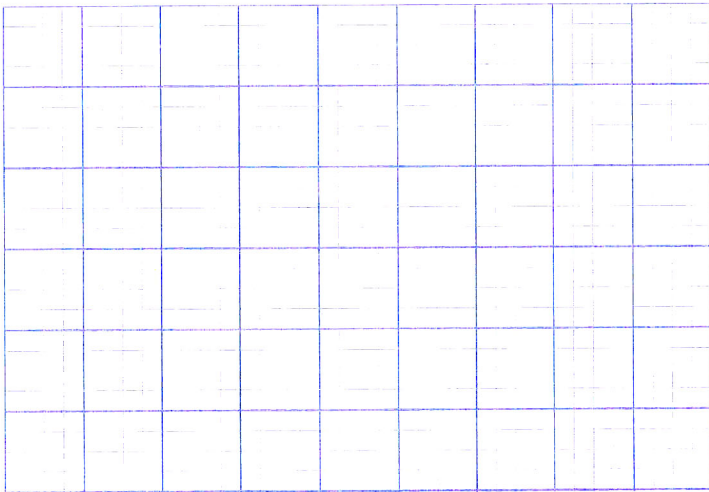
Bài 114. Một cửa hàng văn phòng phẩm bán 8 loại bút mực, 7 loại bút chì kim và 5 loại bút chì gỗ. An muốn mua một chiếc bút mực và một chiếc bút chì. Hỏi An có bao nhiêu cách chọn?

Bài 115. Có bao nhiêu cách xếp năm bạn An, Bình, Dũng, Quyết, Thắng thành một hàng dọc sao cho An luôn đứng đầu hàng và Thắng không đứng cuối hàng?

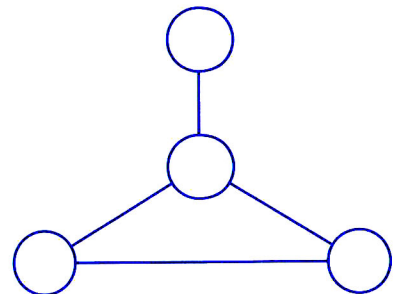
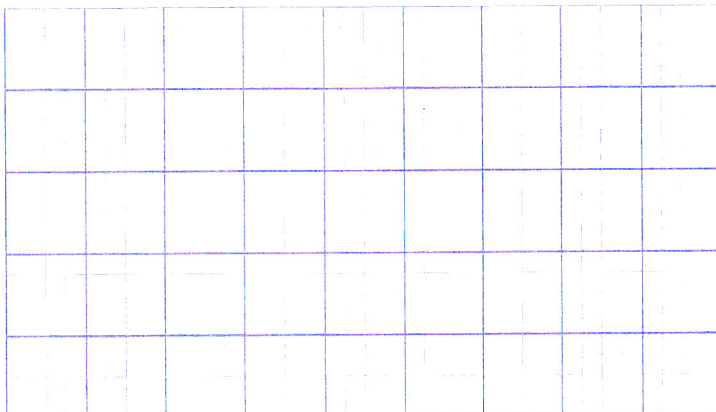
Bài 120. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu hình tam giác?



Bài 121. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu hình vuông?



Bài 122. Bốn hình tròn được nối với nhau với các đoạn thẳng như trong hình vẽ bên dưới. Mỗi hình tròn được tô bởi một trong ba màu: xanh, vàng, đỏ. Hỏi có bao nhiêu cách tô màu sao cho không có hai hình tròn nào cùng màu được nối với nhau?



PHIẾU CUỐI TUẦN 28

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Giá trị của chữ số 4 trong số 84 135 là:

Bài 2. Số lớn nhất trong các số 42078; 42075; 42090; 42100; 42099 là:

Bài 3. Điền dấu (>; =; <) thích hợp vào ô trống:

$$41582 \quad \square \quad 40000 + 1000 + 800 + 50 + 2$$

Bài 4. Giá trị của biểu thức $2342 + 403 \times 6$ là:

Bài 5. Tìm y, biết: $y \times 6 + 138 = 750$

Bài 6. Biết bốn thùng như nhau đựng được 604l xăng. Bảy thùng như thế thì đựng được số lít xăng là:

Bài 7. Có 40 cái cốc xếp đều vào các hộp thì vừa đủ 5 hộp. Nếu có 96 cái cốc như thế xếp vào các hộp trên thì cần số hộp là:

Bài 8. Một tờ giấy màu có diện tích là 500cm^2 . Lan đã dùng 350cm^2 giấy đó để làm hoa. Diện tích phần giấy màu còn lại là:

Bài 9. Một cái ao hình chữ nhật có chiều dài 42m và gấp đôi chiều rộng. Người ta cắm cọc rào xung quanh ao, mỗi góc đều có cọc và mỗi cọc cách nhau 3m. Số cọc cần để rào toàn bộ ao đó là:

Bài 10. Mai nghĩ ra một số, nếu lấy số chẵn lớn nhất có hai chữ số gấp lên hai lần rồi giảm đi bốn lần thì được số Mai nghĩ. Số Mai nghĩ ra là:

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$5332 + 3269$

$10000 - 862$

9×1023

$6605 : 8$

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $1760\text{cm}^2 + 375\text{cm}^2 \times 6$

b) $7895\text{cm}^2 - 4080\text{cm}^2 : 5$

Bài 3. Tìm y, biết:

a) $y : 4 - 105 = 242$

b) $y : 8 = 324$ (dư 7)

Bài 4. Hãy viết mỗi biểu thức sau dưới dạng tích của hai thừa số.

a) $456 + 456 \times 3 + 456 \times 4 - 456 \times 5$

b) $2020 + \underbrace{5 + 5 + \dots + 5}_{\text{có 2020 số 5}}$

PHIẾU CUỐI TUẦN 29

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Giá trị của biểu thức $8974 - 3255 : 7$ là:

Bài 2. Điền dấu (>; =; <) thích hợp vào ô trống:

$$3674 + 1144 : 4 \quad \square \quad 3950$$

Bài 3. Tìm y, biết: $y : 9 + 8888 = 9711$

Bài 4. Diện tích của một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 2dm, chiều rộng 6cm là:

Bài 5. Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 18cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài là:

Bài 6. Tính diện tích của một hình vuông có chu vi là 36cm.

Bài 7. Tính chu vi của một hình vuông có diện tích là 25cm^2 .

Bài 8. Một hình chữ nhật có chiều dài 12cm và bằng hai lần chiều rộng. Diện tích hình chữ nhật đó là:

Bài 9. Một hình chữ nhật có chiều rộng 9cm và diện tích bằng 243cm^2 . Chiều dài hình chữ nhật đó là:

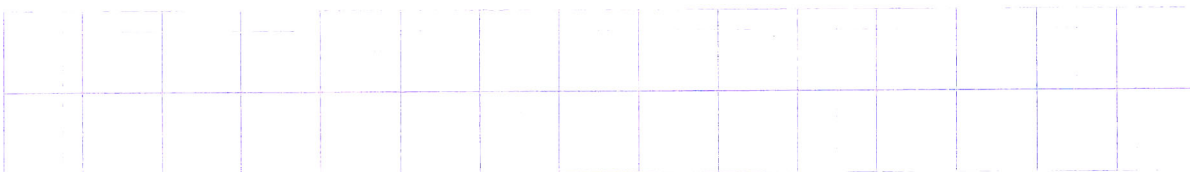
Bài 10. Một hình chữ nhật có diện tích là 135cm^2 , chiều rộng có số xăng-ti-mét là số lớn nhất có một chữ số. Chu vi hình chữ nhật đó là:

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

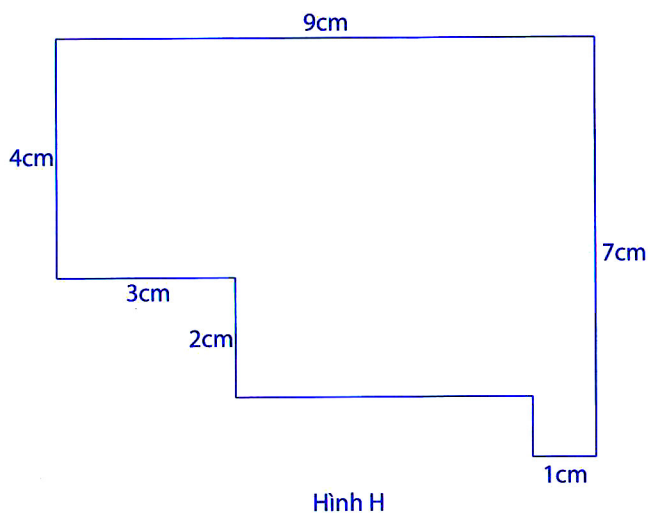
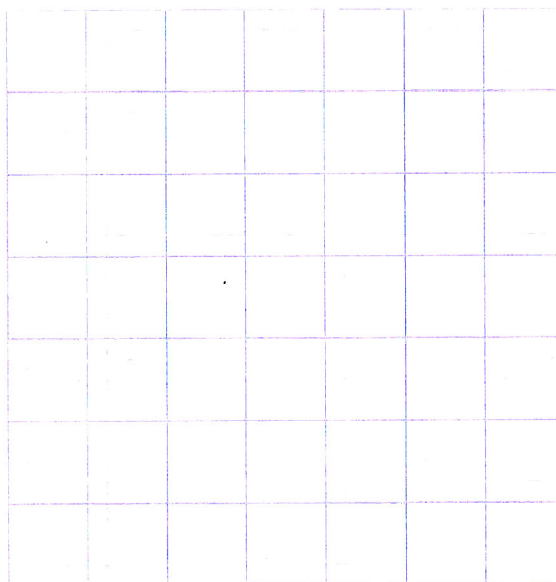
Bài 1. Tính:

a) $2245\text{cm}^2 + 1269\text{cm}^2 : 3$

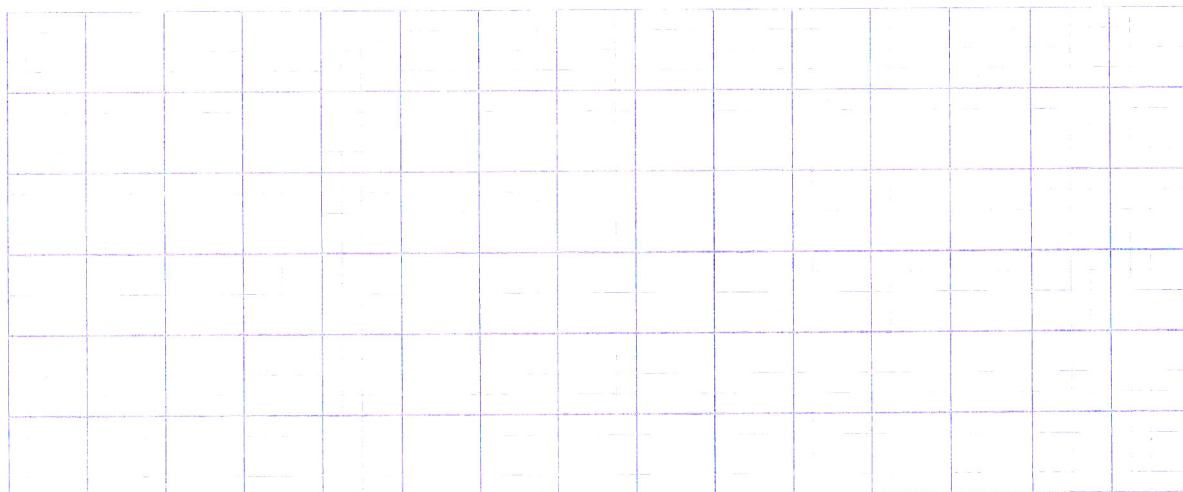
$1895\text{cm}^2 \times 5 - 2463\text{cm}^2$



Bài 2. Tính diện tích hình H có các kích thước như trong hình vẽ:



Bài 3. Một hình chữ nhật có chu vi là 28cm. Nếu tăng chiều dài thêm 2cm thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 12cm^2 . Tính diện tích hình chữ nhật ban đầu.



PHIẾU CUỐI TUẦN 30

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Số liền trước của số 48 700 là:

Bài 2. Giá trị của biểu thức $78754 - 9126 : 6$ là:

Bài 3. Điền dấu (> ; = ; <) thích hợp vào ô trống:

$$63471 + 636 : 3 \quad \square \quad 64349$$

Bài 4. Viết thêm hai số vào chỗ trống để được dãy số có quy luật:

$$27632; 27642; 27652; \quad \underline{\quad}; \quad \underline{\quad}$$

Bài 5. Một nhà máy quý I sản xuất được 35639 sản phẩm, quý II sản xuất được hơn quý I là 9384 sản phẩm. Sau hai quý nhà máy sản xuất được tất cả số sản phẩm là:

Bài 6. Một tấm bìa hình vuông có chu vi là 16cm. Diện tích của tấm bìa đó là:

Bài 7. Một hình vuông có diện tích bằng diện tích của một hình chữ nhật có chiều rộng là 4cm và chiều dài là 9cm. Chu vi hình vuông đó là:

Bài 8. Diện tích của một hình vuông có chu vi bằng chu vi của một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng 8cm là:

Bài 9. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có năm chữ số có chữ số hàng nghìn là 6 và số nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau là:

Bài 10. Một mảnh vườn hình vuông có chu vi là 32m, người ta mở rộng mảnh vườn về phía bên phải 3m và về phía bên trái 2m. Chu vi của mảnh vườn sau khi mở rộng là:

PHIẾU CUỐI TUẦN 31

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Số gồm 8 chục nghìn và 4 chục là:

Bài 2. Giá trị của biểu thức $21766 \times 4 - 47178$ là:

Bài 3. Giá trị của biểu thức $47069 + 89816 : 8$ là:

Bài 4. Khoảng thời gian từ 5 giờ 20 phút đến 6 giờ kém 20 phút là:

Bài 5. Ngày 23 tháng 8 là Chủ nhật. Vậy ngày 2 tháng 9 năm đó là:

Bài 6. Một nhà máy dự định sản xuất 15420 cái cốc. Nhà máy đã sản xuất được $\frac{1}{5}$ số cốc đó. Nhà máy còn phải sản xuất thêm số cốc là:

Bài 7. Người ta lắp bóng đèn vào các phòng học, mỗi phòng cần lắp 8 bóng đèn. Vậy có 284 bóng đèn thì lắp được cho nhiều nhất số phòng học là:

Bài 8. Bình có 7 bao kẹo như nhau đựng tổng cộng 168 viên kẹo. Sau khi cho bạn hết 3 bao kẹo thì Bình còn lại số viên kẹo là:

Bài 9. Một phép chia cho 6 có thương là số lớn nhất có ba chữ số, số dư là 4. Số bị chia trong phép chia đó là:

Bài 10. Cho một số, biết rằng nếu lấy số đó trừ đi 1237 được bao nhiêu đem nhân với 6 thì được kết quả là 39240. Số đó là:

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$24510 + 7645$

$78015 - 49867$

10465×7

$90234 : 9$

Bài 2. Tìm y, biết:

a) $903 + y \times 7 = 3892$

b) $y : 5 - 1789 = 4732$

c) $y : 4 = 7469$ (dư 3)

Bài 3. Tìm một số, biết rằng nếu lấy $\frac{1}{4}$ số đó cộng với 238 thì được một số mới kém số ban đầu là 4862 đơn vị.

PHIẾU CUỐI TUẦN 32

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Số lớn nhất trong các số 15394; 15349; 15934; 15943 là:

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống: $2\text{km } 5\text{m} = \text{_____m}$

Bài 3. Kết quả của phép tính $4759\text{cm}^2 + 13132\text{cm}^2 : 7$ là:

Bài 4. Quỳnh bắt đầu ăn cơm lúc 6 giờ 20 phút và ăn xong lúc 7 giờ kém 5 phút. Quỳnh ăn cơm hết số phút là:

Bài 5. Chu vi của một hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là 2dm; 25cm; 340mm là:

Bài 6. Hà cắt một sợi dây thành các đoạn dây ngắn hơn, mỗi đoạn dây cắt ra dài 2dm 2cm. Hà cắt 7 lần thì hết sợi dây. Lúc đầu, sợi dây đó dài là:

Bài 7. Bạn An đem tiền đi chợ giúp mẹ, bạn mua rau hết 12000 đồng, mua muối hết 5000 đồng và còn lại số tiền là 3000 đồng. Bạn An đem đi chợ số tiền là:

Bài 8. Một tờ giấy hình chữ nhật có chiều dài 15cm, chiều rộng 8cm. Ở giữa tờ giấy người ta vẽ một hình vuông, rồi cắt hình vuông đó ra. Sau khi cắt thì diện tích còn lại của tờ giấy đó là 84cm^2 . Cạnh của hình vuông cắt ra dài là:

Bài 9. Khi cạnh hình vuông gấp lên hai lần thì chu vi hình vuông sẽ gấp lên số lần là:

Bài 10. Một số tròn trăm khi chia cho 9 thì được thương là 55 và còn dư. Số đó là:

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$5076 + 86394$

$100000 - 9327$

7×10234

$56059 : 8$

Bài 2. Tìm y, biết:

a) $y - 9325 = 27496 - 8764$

b) $y : 7 = 14922 : 6$

Bài 3. Tính:

a) $125 \times 9 \times 8$

b) $24 \times 56 - 24 \times 44 - 24 \times 12$

Bài 4. Một hình chữ nhật có chu vi là 54cm. Nếu tăng chiều dài thêm 8cm thì diện tích hình chữ nhật tăng thêm 96cm². Tính chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật ban đầu.

PHIẾU CUỐI TUẦN 33

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Số gồm 69 nghìn, 6 trăm, 6 đơn vị là:

Bài 2. Giá trị của biểu thức $70341 - 37418 - 9418$ là:

Bài 3. Điền dấu (> ; = ; <) thích hợp vào ô trống:

$$20000 + 7000 + 500 + 5 \quad \square \quad 27550$$

Bài 4. Một ô tô trong 3 giờ đi được 180km. Cứ đi với tốc độ như thế thì trong 8 giờ ô tô đó đi được số ki-lô-mét là:

Bài 5. Một cửa hàng có 1332 cái cốc được xếp đều vào các hộp, mỗi hộp 6 cái cốc. Cửa hàng đã bán 96 hộp cốc đó. Số hộp cốc còn lại là:

Bài 6. Một đội công nhân theo kế hoạch phải làm 7480 sản phẩm. Họ đã làm được $\frac{1}{4}$ số sản phẩm theo kế hoạch. Đội công nhân đó còn phải làm số sản phẩm nữa là:

Bài 7. Thương của số lớn nhất có năm chữ số và 3 là:

Bài 8. Tích của số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và 8 là:

Bài 9. Một hình vuông có chu vi là 220cm. Một hình chữ nhật có chiều dài 85cm và chiều rộng bằng cạnh của hình vuông. Chu vi của hình chữ nhật đó là:

Bài 10. Có bao nhiêu số có ba chữ số nhỏ hơn 354?

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$27546 + 4712$

$20010 - 7165$

30365×3

$25972 : 4$

Bài 2. Tìm y, biết:

a) $y + 2345 = 74622 : 6$

b) $y \times 5 = 34385 + 27890$

Bài 3. Một lớp tham gia trồng cây. Theo dự định cứ 9 học sinh thì trồng 45 cây, nhưng thực tế mỗi học sinh lại trồng được nhiều hơn so với dự định 3 cây nên tổng số cây cả lớp trồng được là 240 cây. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh? (Số cây mỗi học sinh trồng được là như nhau).

PHIẾU CUỐI TUẦN 34

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. $\frac{1}{4}$ của 5324m là:

Bài 2. Điền dấu (>; =; <) thích hợp vào ô trống:

$$1035\text{cm} : 3 \quad \square \quad 4\text{m}$$

Bài 3. Tìm y, biết: $y \times 5 = 34650 \times 5$

Bài 4. Cho $A = 1532 \times 3 - 596$. Số liền trước của A là:

Bài 5. Giá trị của biểu thức $B = II \times IX + XVI$ bằng chữ số La Mã là:

Bài 6. Có 54l rượu được chia đều vào 9 can. Vậy 5 can như thế có số lít rượu là:

Bài 7. An mua một quyển sách giá 42000 đồng và 4 quyển vở, mỗi quyển giá 7500 đồng. An đưa cho cô bán hàng 100000 đồng. Cô bán hàng phải trả lại An số tiền là:

Bài 8. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng độ dài cạnh của một hình vuông có diện tích bằng 36cm^2 . Chiều dài gấp ba lần chiều rộng. Chu vi hình chữ nhật đó là:

Bài 9. Một tủ sách có ba ngăn. Số sách ở ngăn thứ hai ít hơn số sách ở ngăn thứ nhất 12 quyển và ít hơn số sách ở ngăn thứ ba 20 quyển. Hỏi ngăn thứ nhất và ngăn thứ ba, ngăn nào chứa nhiều sách hơn và nhiều hơn bao nhiêu quyển sách?

Bài 10. Hai số có tổng bằng 847, biết rằng nếu giữ nguyên số hạng thứ nhất và gấp số hạng thứ hai lên hai lần thì được tổng mới là 1061. Hiệu hai số là:

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

Bài 1. Tính giá trị biểu thức:

a) $1354 \times 9 + 7428$

b) $28104 - 20496 : 4$

Bài 2. Một đội công nhân tham gia trồng rừng, biết 6 công nhân thì trồng được 36 cây. Nếu mỗi công nhân của đội trồng thêm được 3 cây thì cả đội trồng được 315 cây. Hỏi đội công nhân đó có bao nhiêu người? (Mỗi công nhân trồng được số cây bằng nhau)

Bài 3. Chi gấp được một số con hạc giấy. Chi tặng An $\frac{1}{4}$ số hạc giấy của mình và sau đó tặng Linh $\frac{1}{3}$ số hạc còn lại thì Chi còn 30 con. Hỏi Chi đã gấp được bao nhiêu con hạc giấy?

PHIẾU CUỐI TUẦN 35

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM: Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích

ĐỀ BÀI

TRẢ LỜI

Bài 1. Số gồm 2 chục nghìn, 5 nghìn và 5 chục đơn vị là:

Bài 2. Kết quả của phép tính $7866 \text{ cm} : 6 + 74951 \text{ cm}$ là:

Bài 3. Giá trị của biểu thức $246 \times 15 - 246 \times 8 + 246 \times 3$ là:

Bài 4. Tìm y , biết: $y \times 9 - 14751 = 70623$

Bài 5. Ngày 5 tháng 8 là thứ Hai. Vậy ngày 2 tháng 9 năm đó là:

Bài 6. Một trang trại có hai chuồng gà, chuồng thứ nhất có 122 con gà, chuồng thứ hai có số gà gấp bốn lần số gà ở chuồng thứ nhất. Trang trại đó có tất cả số con gà là:

Bài 7. Có 3 thùng kẹo như nhau chứa tổng cộng 864 viên kẹo, mỗi thùng kẹo có 9 gói. Mỗi gói chứa số viên kẹo là:

Bài 8. Cô giáo có 9 gói kẹo như nhau, nếu cô lấy ra ở mỗi gói 8 cái kẹo thì số kẹo lấy ra bằng số kẹo của 3 gói nguyên. Cô có tất cả số cái kẹo là:

Bài 9. Cho một số, biết rằng nếu đem số đó chia cho 5 rồi cộng với 885, được bao nhiêu đem nhân 4 thì được kết quả là 41200. Số đó là:

Bài 10. Có bao nhiêu số chẵn có bốn chữ số khác nhau có chữ số hàng chục là 2?

PHẦN II – TỰ LUẬN: Học sinh trình bày lời giải

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$35687 + 64215$

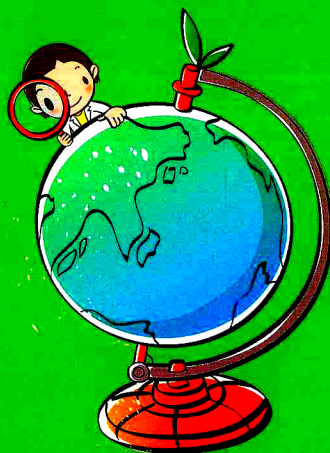
$98432 - 1465$

1587×8

$18963 : 9$

Bài 2. Một thùng sơn cân nặng 25kg. Sau khi dùng $\frac{1}{4}$ lượng sơn trong thùng thì thùng sơn còn cân nặng 19kg. Tính khối lượng thùng khi không có sơn.

Bài 3. Một hình chữ nhật có chu vi gấp 10 lần chiều rộng và chiều dài là 32cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.



ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **098 713 5966**

TIỂU HỌC ARCHIMEDES ACADEMY

Trương Công Giai, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **094 396 6166**

THCS ARCHIMEDES ACADEMY

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **094 769 7171**

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH

Lô I-F1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: **039 235 3535**